

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

Appendix CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của  
TGD SGDC TP HCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDC TP HCM)  
(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock  
Exchange on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ  
BIÊN HÒA  
BIEN HOA PACKAGING JOINT  
STOCK COMPANY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 39 /SVI-2020

Đồng Nai, ngày 15 tháng 04 năm 2020  
Dong Nai, day 15 month 04 year 2020



**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ  
NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON  
THE STATE SECURITIES  
COMMISSION'S PORTAL AND  
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S  
PORTAL**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities  
Commission*  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock  
Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA/BIEN HOA  
PACKAGING JOINT STOCK COMPANY
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: SVI
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Đường 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh  
Đồng Nai, Việt Nam/ 7 Street, Bien Hoa Industrial Zone 1, An Binh Ward, Biên Hòa City,  
Dong Nai Province, Viet Nam.
- Điện thoại/ *Telephone*: 0253.836121
- Fax: 0613.832939
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Phạm Hồng Đức/ *Pham Hong Duc*  
Chức vụ/ *Position*: Giám đốc tài chính/ CFO

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu  
*Information disclosure type*:  Periodic  Irregular  24 hours  On demand

**Nội dung thông tin công bố (\*)/ Content of Information disclosure (\*)**:

Báo cáo thường niên năm 2019

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/04/2020 tại đường dẫn: [www.sovi.com.vn](http://www.sovi.com.vn) vào mục quan hệ cổ đông

*This information was disclosed on Company on date 15/04/2020 Available at: [www.sovi.com.vn](http://www.sovi.com.vn) in Shareholder*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*



Tài liệu đính kèm/  
Attachment:

- Báo cáo thường niên 2019

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/Party authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



**PHẠM HỒNG ĐỨC/ PHAM HONG DUC**

Giám đốc tài chính / CFO



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

# 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA



## MỤC LỤC

1

Thông tin chung

2

Tình hình hoạt động trong năm

3

Báo cáo và đánh giá của  
Ban Tổng giám đốc

4

Đánh giá của Hội đồng quản trị về  
hoạt động của Công ty

5

Báo cáo quản trị Công ty

6

Báo cáo tài chính năm 2019

# 1

## Thông tin chung

### Sứ mệnh



Cung cấp giải pháp toàn diện cho khách hàng những sản phẩm bao bì giấy với chất lượng đảm bảo, giá cả hợp lý và dịch vụ tốt. Ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất trong mọi hoạt động phù hợp với từng giai đoạn nhằm đưa SOVI trở thành một trong những doanh nghiệp cung cấp bao bì carton hàng đầu Việt Nam. Tạo môi trường và điều kiện làm việc cởi mở, thân thiện, mang lại hiệu quả cao nhằm phát huy toàn diện năng lực của mỗi cán bộ - công nhân viên. Từ đó, đem lại lợi nhuận hợp lý cho Công ty và đáp ứng thỏa đáng lợi tức cho các cổ đông, nâng cao hơn nữa mức sống cho tất cả cán bộ - công nhân viên đang làm việc tại Công ty; đồng thời tăng thêm cơ hội để cống hiến thật nhiều cho đất nước và xã hội.


### Tầm nhìn



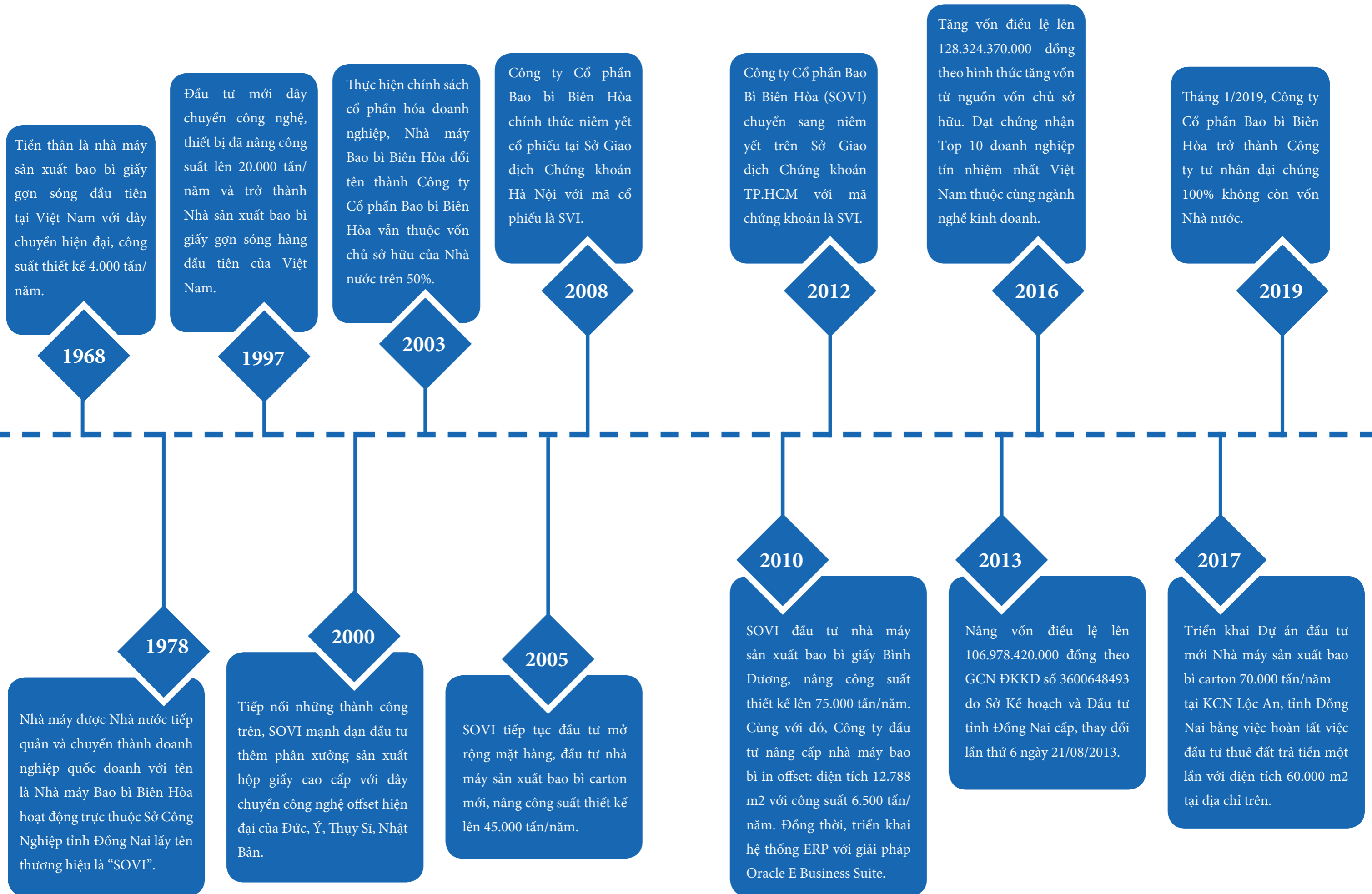
Trở thành nhà sản xuất, cung cấp dịch vụ và giải pháp bao bì giấy đáng tin cậy hàng đầu Việt Nam.

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các nhân tố rủi ro



	Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA
	Tên tiếng Anh	BIEN HOA PACKAGING COMPANY
	Tên viết tắt	SOVI
	Giấy CNĐKDN	Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057 ngày 14/08/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648493 ngày 22/02/2019.
	Vốn điều lệ	128.324.370.000 đồng

	Địa chỉ	Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, Biên Hoà, Đồng Nai
	Số điện thoại	(0251) 3836 121 - (0251) 3836 122
	Website	www.sovi.com.vn
	Email	sovi@sovi.com.vn
	Mã cổ phiếu	SVI
	Sàn niêm yết	HOSE



### Ngành nghề kinh doanh chính

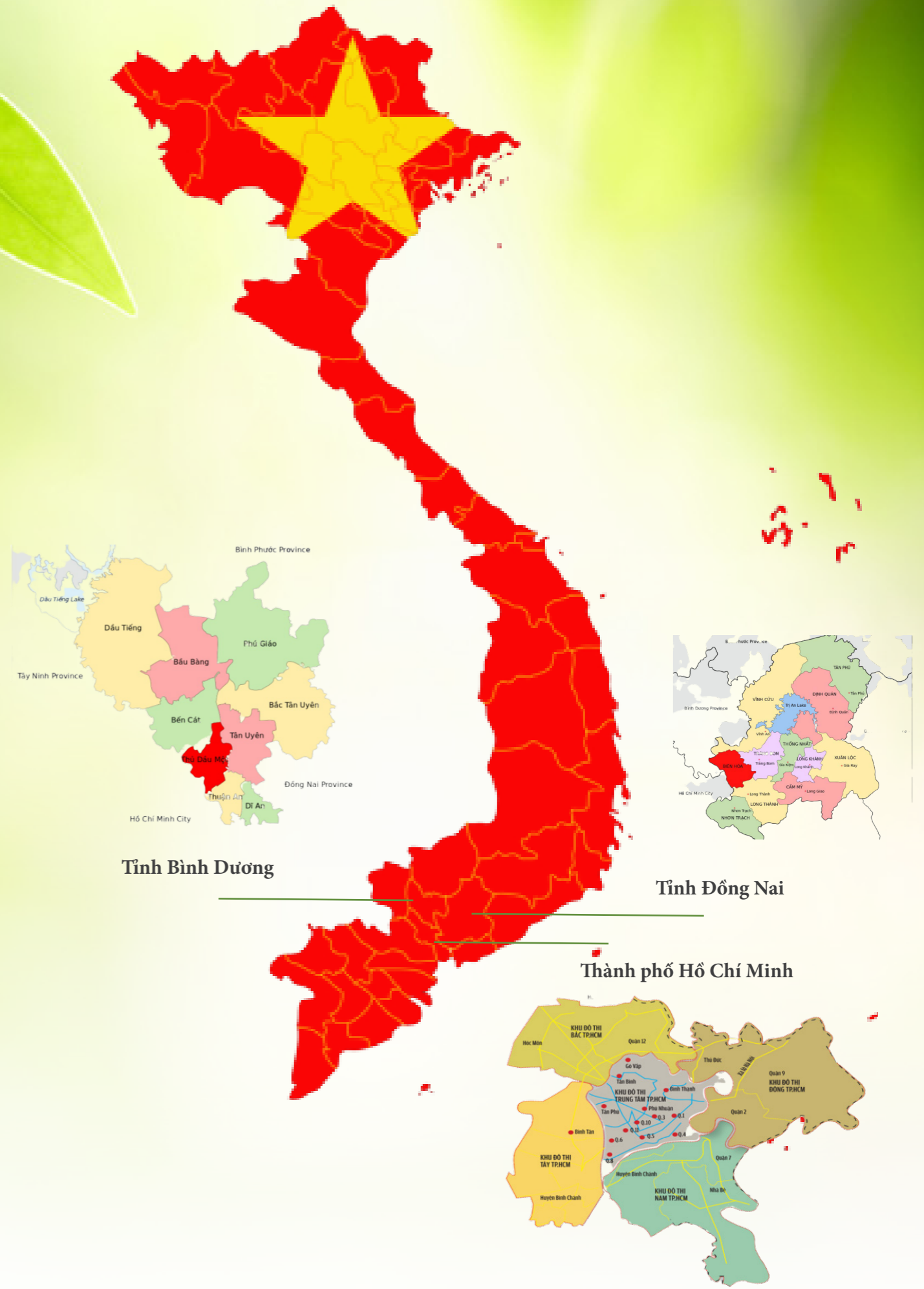
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bì (sản xuất giấy);
- Buôn bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy;
- In ấn.

Sản phẩm tiêu biểu bao gồm: Bao bì Carton và Bao bì Offset

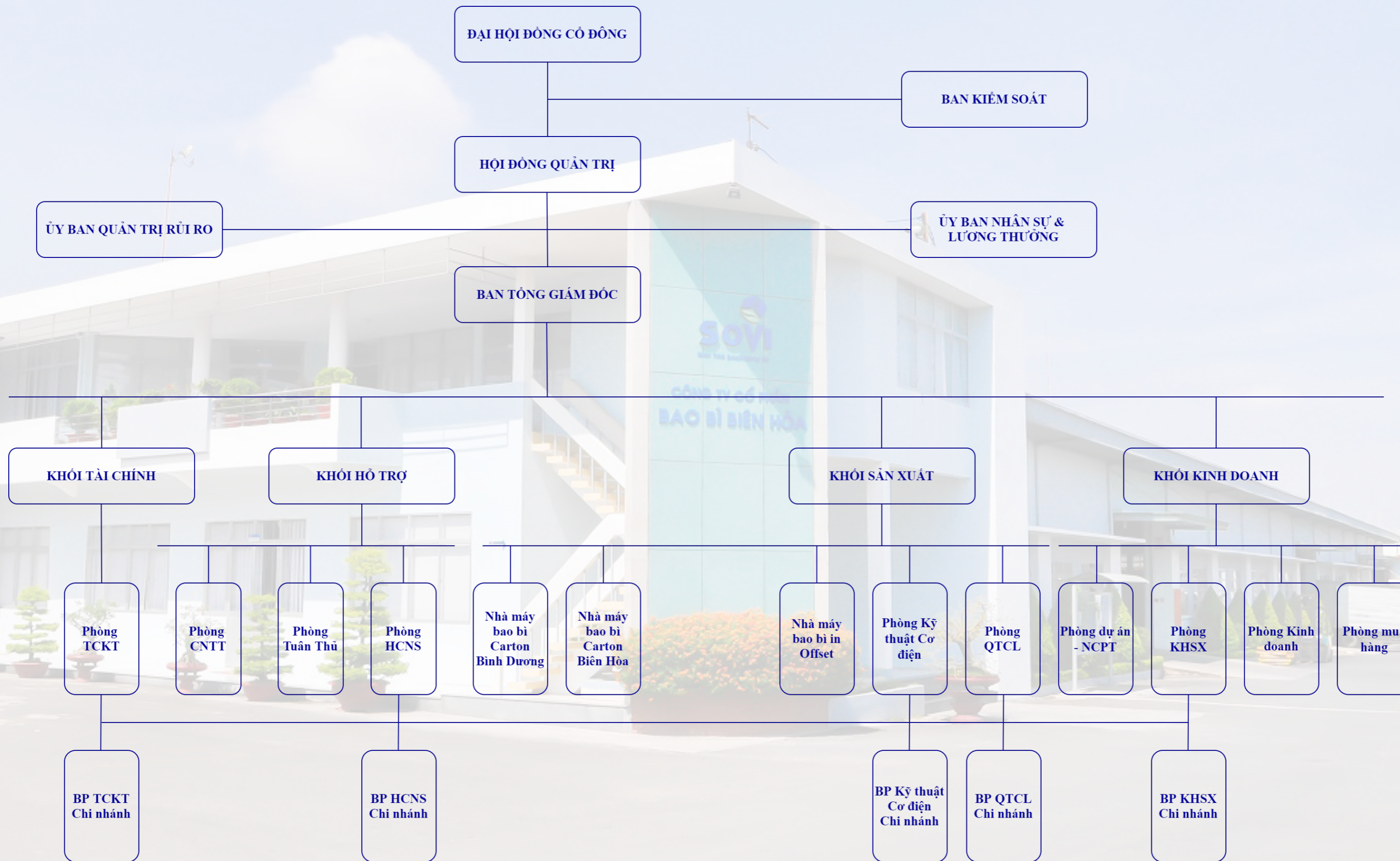
### Địa bàn kinh doanh

- Trụ sở chính: KCN Biên Hoà 1, Đường số 7, P.An Bình, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.
- Nhà máy sản xuất bao bì In Offset: KCN Biên Hoà 1, Đường số 7, P.An Bình, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.
- Nhà máy sản xuất bao bì carton Biên Hòa: Đường số 12, P. An Bình, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.
- Nhà máy sản xuất bao bì carton Bình Dương: KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

**Địa bàn kinh doanh chính:** Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương. Đây đều là những tỉnh, thành phố có tốc độ phát triển và cơ sở hạ tầng dành cho ngành công nghiệp tốt nhất Việt Nam.







## Chiến lược phát triển nguồn nhân lực, sản xuất và tác nghiệp

### Về Nguồn nhân lực và hệ thống quản lý



Nguồn Nhân lực là yếu tố quan trọng nhất, quyết định đến thành bại trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Do đó, Công ty tập trung xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên nghiệp, thật sự có khả năng, kinh nghiệm, nhiệt tình và sáng tạo, tâm huyết với công việc, gắn bó với công ty bằng các hoạt động:

- Xác định năng lực cốt lõi (ASK) của từng thành viên và bố trí công việc phù hợp với năng lực nhằm phát huy tốt nhất năng lực của người lao động. Xây dựng & thực hiện hệ thống tiêu chí đánh giá thành tích (KPI) cho từng vị trí công việc nhằm xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ, mối quan hệ và kết quả công việc cần đạt được của từng cá nhân, đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả công việc.
- Thực hiện công tác đào tạo, huấn luyện để nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng làm việc và sự tương tác, phối hợp với nhau để giải quyết công việc trên nền tảng chung là tầm nhìn, chiến lược, mục tiêu của Công ty.
- Thực hiện các hoạt động Team building để xây dựng tinh thần và khả năng giải quyết các tình huống phát sinh thông qua năng lực làm việc đội nhóm.
- Thực hiện chính sách thu hút nhân tài từ thị trường lao động cao cấp.

- Chuẩn bị nguồn nhân sự kế thừa cho những vị trí chủ chốt, thực hiện các chương trình đào tạo cho đội ngũ này, thực hiện các chương trình tập sự, đánh giá góp ý cải tiến để đảm bảo luôn có sẵn nguồn nhân sự cho Công ty khi cần đến.
- Chuẩn bị nguồn nhân lực đầu vào thông qua các chương trình tài trợ học bổng, thực tập, tuyển dụng, hội nhập & phát triển cho các sinh viên khá, giỏi của trường Đại học, Cao đẳng & Trung cấp nghề.
- Xây dựng văn hóa kinh doanh trên nền tảng hướng về khách hàng, người lao động và các đối tác. Tạo ra môi trường làm việc gắn gũi, thân thiện, năng động, sáng tạo và cơ hội phát triển công bằng, bình đẳng cho tất cả mọi người. Thực hiện các chính sách lương thưởng, đãi ngộ, phúc lợi phù hợp để thúc đẩy nỗ lực công việc của từng cá nhân.
- Định kỳ Công ty soát xét hệ thống văn bản quản lý, cụ thể các tác nghiệp đang áp dụng trên cơ sở cải tiến, nâng cấp và chuẩn hóa các quy trình nhằm đáp ứng yêu cầu thay đổi ngày càng cao của thị trường. Để mang lại hiệu quả, điều quan trọng là phải áp dụng, duy trì, đánh giá định kỳ để cải tiến liên tục.



## Chiến lược phát triển nguồn nhân lực, sản xuất và tác nghiệp

### Về quản lý công nghệ và đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân



- Sovi luôn chú trọng việc quản lý công nghệ vì đây là khâu quyết định nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm tạo thế cạnh tranh so với các đối thủ cùng ngành, xây dựng đội ngũ R&D có kinh nghiệm, năng lực & kiến thức nhằm giải quyết nhanh chóng các sự cố về công nghệ & tìm kiếm phát triển các phương pháp xử lý, cải tiến công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Tiến hành phân tích hiện trạng nguồn nhân lực để xác định điểm mạnh, điểm yếu đội ngũ công nhân có tay nghề cao. Từ đó có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề, bổ sung các chính sách đãi ngộ nhằm giữ được nguồn lao động có tay nghề cao & tiếp tục quy hoạch đào tạo đội ngũ kế thừa nhằm luôn sẵn sàng ổn định nguồn nhân lực.



### Về quản lý tồn kho nguyên vật liệu, tồn bán thành phẩm trong xưởng và điều độ sản xuất hiệu quả



- Thực hiện tốt công tác quy hoạch nguyên vật liệu phù hợp với yêu cầu chất lượng chất lượng sản phẩm của khách hàng.
- Thực hiện tốt công tác dự báo thị trường nguyên vật liệu, dự báo bán hàng để quyết định chiến lược mua hàng & tồn kho hiệu quả, xây dựng hệ thống nhà cung ứng chiến lược nhằm đảm bảo sự ổn định, an toàn nguồn nguyên vật liệu đầu vào và chi phí mua hàng tối ưu.
- Giảm ở mức thấp nhất tồn kho thành phẩm, phối hợp tốt nhất giữa công tác sản xuất và giao hàng để đảm bảo dòng lưu thông của sản phẩm là nhanh nhất, thời gian chờ đợi trong quá trình sản xuất & lưu kho là nhỏ nhất.
- Vận hành thiết bị ở vùng tốc độ tối ưu, giảm thời gian hư máy đột xuất & các thời gian lãng phí khác, kiểm soát chặt chẽ các yếu tố chính yếu ảnh hưởng đến quá trình sản xuất để đảm bảo năng suất lao động là cao nhất, sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng và tiêu hao nguyên vật liệu là tối ưu nhất.

### Về quản lý chất lượng



- Việc áp dụng, tuân thủ thực hiện, duy trì thực hiện hệ thống đảm bảo chất lượng ở từng vị trí công việc trên dây chuyền sản xuất, các quy trình tác nghiệp và vận hành nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn ổn định & đáp ứng thỏa mãn các yêu cầu của khách hàng.
- Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện và phân tích các dữ liệu về chất lượng nhằm truy tìm nguyên nhân gốc rễ, thực hiện các giải pháp khắc phục – phòng ngừa và cải tiến chất lượng kịp thời.

## Chiến lược tăng trưởng tập trung

Nhằm phát huy điểm mạnh của Sovi và tận dụng cơ hội hiện có để mở rộng sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty tiến hành thực hiện các giải pháp:

- Đầu tư thuê đất tại KCN Lộc An - Bình Sơn, Đồng Nai nhằm chuẩn bị đầu tư phát triển xây dựng cho các năm tới thêm một nhà máy sản xuất bao bì carton dự kiến có công suất 70.000 tấn/năm nhằm mở rộng thị phần, tăng sức cạnh tranh với các đối thủ trong khu vực Đông Nam Bộ.
- Đầu tư thêm nhiều máy móc, thiết bị có tính tự động hóa nhằm nâng công suất sản xuất, đồng bộ năng lực giữa các công đoạn sản xuất, giảm tổn thất lãng phí,... gia tăng năng lực cạnh tranh & đáp ứng nhu cầu của khách hàng, thị trường. Tiến hành phân tích nhu cầu của từng khách hàng để duy trì quan hệ và nâng cao doanh số của khách hàng chiến lược. Thông qua phân tích lợi thế cạnh tranh để xác định điểm mạnh và điểm yếu từ đó khắc phục và cải tiến.



## Chiến lược dẫn đầu về dịch vụ khách hàng

Dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt sẽ trở thành lợi thế cạnh tranh cho Công ty trong bối cảnh thị trường ngày càng mở rộng, nhiều Công ty trong và ngoài nước xuất hiện cùng cung cấp một loại hình sản phẩm/ dịch vụ với giá thành vô cùng hấp dẫn. Khách hàng tiềm năng có thể trở thành khách hàng thực sự và trung thành hay không chính là phụ thuộc vào yếu tố này. Hiểu được tầm quan trọng đó Công ty đã đưa ra các chính sách và giải pháp như sau:

- Củng cố kỹ năng dịch vụ chăm sóc khách hàng của nhân viên, tư vấn thiết kế sản phẩm hiệu quả, nhanh chóng – chính xác, linh hoạt. Luôn giao hàng đúng hẹn – đủ chất lượng và số lượng. Khi khách hàng khiếu nại phải giải quyết kịp thời. Tôn trọng và lắng nghe nhu cầu của khách hàng. Từ đó, đưa ra những giải pháp cải tiến chất lượng dịch vụ.
- Thường xuyên kiểm tra các khâu chăm sóc khách hàng, phân rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân chủ trì, phối hợp. Tiến hành phân tích đánh giá chất lượng và sự hài lòng của khách hàng để xây dựng chương trình cải tiến phù hợp.
- Cải thiện tương tác với khách hàng.
- Đơn giản hóa quy trình phản hồi của khách hàng.

## Chiến lược hạ thấp chi phí

Hạ thấp chi phí là một chiến lược cơ bản nhằm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh, làm cơ sở cho việc tăng thêm nguồn lực để mở rộng đầu tư và gia tăng thị phần của Công ty. Theo đó, Công ty áp dụng thực hiện và triển khai các giải pháp:

- Từng bước giảm, loại bỏ lãng phí bằng việc lập dự toán, phê duyệt, sử dụng và quyết toán chi phí.
- Kiểm soát hiệu quả ngân sách hoạt động từng bộ phận, phân xởng thông qua việc tuân thủ các quy định, quy trình, tiêu chuẩn và định mức đã ban hành. Hướng dẫn, kiểm tra và kiểm soát định kỳ, đột xuất nhằm đảm bảo sự tuân thủ trong việc quản lý và thực hiện ngân sách.
- Tất cả các Phòng ban, Nhà máy phải tổ chức & thực hiện công tác thu thập và phân tích các dữ liệu về định mức nguyên vật liệu sử dụng &

chi phí thuộc phạm vi quản lý của mình. Xác lập & thực hiện các giải pháp hiệu quả để giảm các lãng phí và tối ưu chi phí sử dụng nguyên vật liệu.

- Chú trọng công tác cải tiến thiết kế sản phẩm và quy trình sản xuất nhằm giảm chi phí nguyên vật liệu đầu vào trong quá trình sản xuất.
- Chuyên môn hóa để một người sẽ thực hiện công việc nhanh hơn, ít sai sót hơn.



## Rủi ro kinh tế:

### Rủi ro tỷ giá



Một lượng đáng kể nguồn nguyên liệu đầu vào cũng như trang thiết bị, dây chuyền sản xuất của SOVI được nhập từ các đối tác nước ngoài và thanh toán bằng USD. Do đó, Công ty chịu những ảnh hưởng nhất định khi tỷ giá biến động.

Trong năm 2019 cặp tỷ giá USD/VND gần như duy trì ổn định, và gần tương đương với thời điểm cuối năm 2018, dao động trong biên độ tương đối hẹp và quanh tỷ giá mua vào của NHNN ở mức 23.200 đồng. So với những đồng tiền khác, biến động của Việt Nam đồng so với USD khá ổn định: Trung Quốc (-2,7%), Hàn Quốc(-6,4%)...

Để hạn chế những thiệt hại do tỷ giá gây ra, Công ty luôn chủ động chuyển một số nguyên liệu chính như giấy cuộn, phụ tùng thiết bị... nhập khẩu trước đây sang mua trong nước nhằm hạn chế tối đa các tổn thất rủi ro có thể xảy ra, đồng thời chủ động theo dõi các yếu tố có thể ảnh hưởng đến tỷ giá, lập nhu cầu ngoại tệ, dự trữ ngoại tệ và theo dõi sát sao biến động để có kế hoạch điều chỉnh hợp lý.



### Rủi ro lãi suất



Theo Tổng cục thống kê năm 2019, với nỗ lực của Ngân hàng Nhà nước mặt bằng lãi suất huy động và cho vay cơ bản ổn định. Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,2%-0,8%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,3%-5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3%-7%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 6,6%-7,5%/năm. Lãi suất cho vay VND trung bình phổ biến ở khoảng 6-9%/năm đối với cho vay ngắn hạn và 9-11%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay USD ngắn hạn từ 3%-3,5%, lãi suất cho vay USD trung và dài hạn từ 4,5-6%... Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã hạ lãi suất USD 3 lần trong năm qua và thông báo giữ nguyên lãi suất cho năm 2020, kéo theo đó một số ngân hàng Việt Nam giảm nhẹ lãi suất VND, điều này kỳ vọng lãi suất cho vay giảm trong năm tới.

Trong năm 2019, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn chiếm khoảng 40% nợ ngắn hạn, nợ dài hạn cũng chủ yếu là nợ vay ngân hàng. Công ty vay nợ chủ yếu để bổ sung vào vốn lưu động nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong tình hình nhu cầu ngày càng tăng cao. Do đó biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của SOVI. Để hạn chế những ảnh hưởng của lãi suất, Công ty lập kế hoạch vay và kế hoạch chi trả cụ thể cho từng khoản vay, đồng thời tìm và tận dụng các khoản vay dài hạn với lãi suất ưu đãi. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện đồng bộ một số giải pháp như: quản lý và kiểm soát dòng tiền hiệu quả hơn, duy trì mức tồn kho hợp lý, đàm phán với một số khách hàng có doanh số thấp để rút ngắn thời hạn thu tiền.

Ngoài ra theo dõi thường xuyên các khoản nợ phải trả dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì tính thanh khoản ổn định trong ngắn hạn và dài hạn. Những điều này đã góp phần hạn chế những bất ổn và ảnh hưởng từ lãi suất đến hoạt động của Công ty.



## Rủi ro đặc thù ngành

### Rủi ro nguyên vật liệu



Chi phí nguyên vật liệu chiếm trên 80% tổng chi phí sản xuất với ngành sản xuất bao bì carton gợn sóng. Từ Quý 1 đến Quý 3 năm 2019, giá giấy theo xu hướng giảm và ổn định. Bắt đầu Quý 4/2019, giá giấy các loại như giấy làm mặt (Test liner, Kraft liner, White top), giấy làm sóng (Medium) và các loại giấy Duplex, Ivory, ... theo xu hướng tăng. Đến tháng 12/2019 đã tăng 45 USD/tấn (1,044 triệu đồng/tấn) đối với cả giấy lớp mặt và lớp sóng so với tháng 10/2019.

Với tình hình giá nguyên vật liệu biến động trong năm làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty.

Trước tình hình này, Công ty đã chủ động lập kế hoạch dự trữ nguồn nguyên liệu để hạn chế tối đa thiệt hại, linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hóa. Kết hợp với việc tìm kiếm nhiều đối tác cung cấp nguyên liệu giá rẻ. Đồng thời, ký kết hợp đồng dài hạn với những đơn hàng lớn để hưởng giá thấp, thiết lập mối quan hệ lâu dài và uy tín với những đối tác trong nước đảm bảo tính ổn định cho giá cả nguyên liệu đầu vào. Bên cạnh đó, cũng thường xuyên mở rộng mối quan hệ hợp tác với nhiều nhà cung cấp khác để có được nguồn nguyên liệu với giá hợp lý.

### Rủi ro cạnh tranh



Sản xuất bao bì Carton có rào cản gia nhập ngành thấp. Các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính mạnh có thể đầu tư sản xuất quy mô lớn. Khách hàng có khả năng chuyển đổi dễ dàng giữa các nhà cung cấp. Theo đó, 03 yếu tố quyết định việc lựa chọn nhà cung cấp bao bì thường là: (01) Chất lượng sản phẩm, có khả năng thực hiện nhiều mẫu mã mới; (02) giá cả cạnh tranh và (03) dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt, đáp ứng các yêu cầu của khách hàng. Theo số liệu của Hiệp hội giấy và bột giấy Việt Nam (VPPA), hiện nay cả nước có hơn 200 doanh nghiệp tham gia sản xuất bao bì giấy, phần lớn là sản xuất bao bì Carton. Riêng ở Bình Dương và Đồng Nai có nhiều doanh nghiệp FDI được đầu tư quy mô lớn, quản lý chuyên nghiệp.

Nhận thức được vấn đề này, Công ty đã xây dựng các chiến lược kinh doanh dài hạn một cách cụ thể để định hướng cho hoạt động của công ty. Ngoài ra, Công ty không ngừng đổi mới máy móc thiết bị, mở rộng dây chuyền sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm, làm hài lòng khách hàng góp phần củng cố và nâng cao vị thế của công ty trên thị trường. Lên kế hoạch nghiên cứu thị trường, tìm kiếm thị trường tiềm năng cả trong và ngoài nước, duy trì và đảm bảo nguồn cung ứng, chất lượng, giá thành hợp lý.



## Rủi ro Pháp luật

Hoạt động của Công ty chịu sự ảnh hưởng của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật bảo vệ môi trường và các Nghị định, Thông tư có liên quan khác. Tuy nhiên, Hệ thống luật và các văn bản dưới Luật hiện nay của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, bất cứ sự thay đổi nào về các quy định liên quan và quy định đặc thù của ngành đều tác động trực tiếp đến hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty. Công ty với đặc thù hoạt động trong ngành sản xuất giấy, chịu những quy chuẩn khắt khe về hàm lượng chất thải và hệ thống kho bãi dành riêng cho việc tập kết phế liệu. Đây là một ngành chịu ảnh hưởng rất lớn từ những chính sách của nhà nước. Để giảm thiểu rủi ro pháp luật, Công ty thuê các đơn vị tư vấn luật pháp chuyên nghiệp trong và ngoài nước để hỗ trợ thực hiện các giao dịch pháp lý phức tạp.

## Rủi ro môi trường

Là Công ty hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh nên SOVI chịu sự quản lý chặt chẽ về vấn đề bảo vệ môi trường.

Để hạn chế tác động của môi trường làm việc lên sức khỏe của người lao động, cán bộ nhân viên, Công ty luôn thực hiện các biện pháp nhằm phòng ngừa và đảm bảo an toàn trong vận hành như: đầu tư cải tạo hệ thống xử lý nước thải, đầu tư thiết bị xử lý bụi, mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cho nhân viên, nâng cao nhận thức về phòng cháy chữa cháy, tổ chức các buổi đào tạo để nắm rõ các thành phần nguyên liệu sản xuất giúp cải thiện trong quá trình sản xuất.

## Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù hiếm xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây ra thiệt hại về tài sản, con người và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động chung của Công ty. Ngoài ra, SOVI là công ty chuyên sản xuất, kinh doanh bao bì giấy, thường xuyên hoạt động và chứa hàng ngàn thành phẩm bìa, nguyên liệu giấy. Đây đều là những chất dễ bắt lửa và khi có sự cố hỏa hoạn xảy ra có thể gây thiệt hại lớn. Vì thế, Công ty rất chú trọng đến công tác phòng cháy chữa cháy, trang bị bình cứu hỏa, các vật dụng chữa cháy, tổ chức các buổi tập huấn cho người lao động và cấm hút thuốc, đun nấu, thắp nến trong khu vực làm việc. Bên cạnh đó, Công ty còn mua bảo hiểm cho người lao động, nhà xưởng để giảm thiểu tối đa tổn thất do cháy nổ gây ra.



## 2 Tình hình hoạt động trong năm

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



## Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

### Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam

Năm 2019 kinh tế thế giới chứng kiến những bất ổn và đối diện nhiều thách thức. Tăng trưởng không như kỳ vọng của kinh tế Mỹ cùng với việc giảm tốc của kinh tế Trung Quốc do cuộc thương chiến giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới vẫn chưa có hồi kết. Bên cạnh đó, các bất ổn địa chính trị của các nước khác trên thế giới làm ảnh hưởng đến sức tăng trưởng của kinh tế toàn cầu. Một vài nét khái quát về nền kinh tế một số nước phát triển có sức ảnh hưởng trên thế giới được phản ánh cụ thể như sau:

- Kinh tế Mỹ tăng trưởng không như kỳ vọng với mức tăng trưởng trong năm 2019 ở mức 2,3%, thấp hơn tỷ lệ tăng trưởng 2,9% của năm 2018 và cách khá xa mục tiêu tăng trưởng 3% đặt ra. Trong quý 4/2019, nền kinh tế Mỹ ghi nhận mức tăng trưởng 2,1%, tương đương tỷ lệ tăng trưởng trong quý trước đó và cao hơn mức dự báo tăng của các chuyên gia kinh tế. Một số chuyên gia dự báo, kinh tế Mỹ tăng trưởng khoảng 2,0% trong năm 2020.
- Kinh tế Trung Quốc giảm tốc với mức tăng trưởng đạt 6,1%, tiếp tục giảm so với mức 6,6% của năm 2018, đánh dấu năm giảm thứ 3 liên tiếp. Do ảnh hưởng từ căng thẳng thương mại với Mỹ, bên cạnh đó doanh số bán lẻ chững lại, nhu cầu nội địa yếu đi, đầu tư sụt giảm, cùng với thị trường chứng khoán lao dốc, đồng nhân dân tệ chưa có dấu hiệu phục hồi, tình hình căng thẳng ở Hong Kong,..... là nguyên nhân khiến nền kinh tế Trung Quốc suy giảm.
- Kinh tế Châu Âu có dấu hiệu giảm tốc từ trong các quý, mức tăng trưởng thấp trong các năm trở lại đây. Năm 2019 tăng trưởng kinh tế khu vực đạt 1,2%, thấp hơn mức tăng 1,9% của năm 2018. Bên cạnh đó, tăng trưởng kinh tế Anh chậm lại tác động của Brexit. Trong khi đó, các nước Pháp, Đức cũng không thuận lợi và nhiều bất ổn.
- Theo số liệu chính thức do Chính phủ Nhật Bản, Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới trong quý III chỉ tăng trưởng 0,2%. Chỉ số này đã giảm khá mạnh từ mức tăng được điều chỉnh 1,8% ghi nhận trong quý II/2019 và thấp hơn mức dự báo tăng 0,8% của các chuyên gia kinh tế. Năm 2018, tăng trưởng của Nhật Bản trong quý III được ghi nhận ở mức 2%.



GDP Việt Nam 2019 tăng 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6% đến 6,8%. Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011 - 2017. Thống kê cho thấy, kinh tế vĩ mô năm 2019 ổn định, lạm phát được kiểm soát thấp nhất trong 3 năm qua. Công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ thị trường đóng vai trò động lực phát triển kinh tế đất nước. Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa lần đầu tiên vượt mốc 500 tỷ USD. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm giảm dần, thu nhập của người lao động tăng lên. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, đóng góp 4,6% vào mức tăng chung. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,90%, đóng góp 50,4%. Khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45%. Tiêu dùng cuối cùng tăng 7,23% so với năm 2018. Nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 8,35%. Ngoài ra, Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng, nhiều hiệp định thương mại quan trọng đã được ký kết thời gian qua, tạo cơ hội mở rộng thị trường cho hàng hóa của Việt Nam.

## Ngành bao bì giấy

Theo báo cáo của Hiệp hội giấy và bột giấy Việt Nam (VPPA) cho rằng điểm sáng về kinh tế Việt Nam chính là động lực lớn cho thị trường giấy Việt Nam đạt được những con số ấn tượng trong năm 2019. Tiêu dùng giấy toàn ngành ước tính đạt 5,432 triệu tấn, tăng trưởng 9,8%; xuất khẩu giấy đạt sản lượng 1,0 triệu tấn, tăng trưởng 23,6%, nhập khẩu đạt sản lượng 2,02 triệu tấn, giảm 2,9% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, giấy bao bì và giấy tissue về tiêu dùng và xuất khẩu đạt sản lượng, tốc độ tăng trưởng ấn tượng.

Nắm bắt được tình hình Ban lãnh đạo đã đưa ra nhiều chính sách phù hợp, cùng với sự nỗ lực của toàn bộ cán bộ công nhân viên đã đạt được kết quả như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	2019		Thực hiện 2019 so với	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2018
Sản lượng: bao bì giấy (Carton, Offset)	Kg	88.815.996	90.395.000	83.878.573	92,79%	94,44%
Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.780.171	1.820.000	1.703.555	93,60%	95,7%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	77.433	120.000	180.211	150,18%	232,73%

Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng				
	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu thuần	1.703.555	1.780.171	1.554.386	1.381.740	1.341.456
Lợi nhuận gộp	299.039	185.488	183.719	181.966	171.319
Lợi nhuận HĐKD	186.726	75.017	80.727	92.225	82.447
Lợi nhuận trước thuế	180.211	77.433	83.007	93.380	84.007
Lợi nhuận sau thuế	141.248	61.207	66.260	74.656	69.326

Doanh thu thuần năm 2019 đạt 1.704 tỷ đồng giảm 4,3% so với năm 2018 (1.780 tỷ đồng), nguyên nhân là do nhu cầu tiêu thụ sản phẩm giảm trong năm.

Tuy nhiên lợi nhuận gộp trong năm tăng mạnh so với năm 2018, cụ thể lợi nhuận gộp năm 2019 đạt 299 tỷ đồng, và tăng 115,3 đồng, tương ứng tăng 61,2% so với năm 2018 (185,5 tỷ đồng). Nguyên nhân lợi nhuận gộp tăng là do giá vốn hàng bán giảm 191,9 tỷ đồng, tương ứng giảm 12% so với năm 2018 (1.596,4 tỷ), việc lợi nhuận gộp tăng mạnh và các khoản chi phí, thu nhập khác không thay đổi đáng kể nên lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 141,2 tỷ đồng, tăng 75 tỷ đồng, tương ứng tăng 130,8% so với năm 2018 (61,2 tỷ đồng). Đây là một năm có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tốt nhất trong giai đoạn 2015-2019.



Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng				
	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015
Tổng tài sản	904.496	922.925	936.962	749.980	758.795
Vốn chủ sở hữu	464.009	339.710	353.590	330.291	294.399
Nợ ngắn hạn	373.618	541.501	533.971	378.051	398.296
Nợ dài hạn	66.870	41.714	49.401	41.638	66.100

Tổng tài sản năm 2019 đạt 904,5 tỷ đồng và giảm 18,4 tỷ đồng, tương ứng giảm 2% so với năm 2018 (922,9 tỷ đồng). Nợ ngắn hạn và nợ dài hạn lần lượt là 313,6 tỷ đồng và 66,9 tỷ đồng, giảm 31% và tăng 60,31% so với năm 2018. Cụ thể nợ ngắn hạn giảm chủ yếu do khoản vay ngắn hạn giảm, trong năm Công ty đã thanh toán các khoản vay ngắn hạn với ngân hàng theo đúng hợp đồng đi vay. Nợ dài hạn trong năm tăng chủ yếu là do Công ty vay dài hạn Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai nhằm mục đích thanh toán tiền thuê đất một lần để xây dựng nhà máy.

Năm 2019, vốn chủ sở hữu đạt 464 tỷ đồng tăng 36,6% tương ứng tăng 124,3 tỷ đồng so với năm 2018 (339,3 tỷ đồng), trong đó lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm tăng 141,2 tỷ đồng và Công ty đã bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi sau thuế của năm 2019 tăng 28,2 tỷ đồng.



**Thành viên Ban Điều hành**

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ
1	Ông Đặng Ngọc Diệp	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	11.715	0,09%
2	Ông Trần Trang Bình	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	118.974	0,93%
3	Ông Phạm Hồng Đức	Giám đốc Khối tài chính kiêm Kế toán trưởng	0	0%

**Sơ yếu lý lịch**

**Ông ĐẶNG NGỌC DIỆP**



Chức vụ: Tổng Giám Đốc kiêm Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Quá trình công tác:

- Từ 1992 – 1996: Nhân viên phòng Cơ điện Công ty may CN Đồng Nai.
- Từ 1996 – 2002: Trưởng ca sản xuất Nhà máy bao bì Biên Hòa
- Từ 2002 – 2005: Trưởng BP Quản trị chất lượng CTCP bao bì Biên Hòa.
- Từ 2005 – 2006: Quản đốc Xưởng Offset, CTCP bao bì Biên Hòa.
- Từ 2006 – 04/2008: Trưởng BP Kế hoạch sản xuất CTCP bao bì Biên Hòa.
- Từ 04/2008 – 2016: Trưởng BP Kinh doanh của SOVI, TV.HĐQT.
- Từ 2016 – 01/04/2019: Phó giám đốc kinh doanh, TV. HĐQT.
- Từ 01/04/2019 - Nay: Tổng Giám đốc, TV. HĐQT

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 11.715 cổ phần

**Ông TRẦN TRANG BÌNH**



Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác:

- Từ 06/1995 - 09/1996: Nhân viên kỹ thuật Công ty Cổ phần gỗ Tân Mai.
- Từ 09/1996 - 05/2002: Trưởng bộ phận Quản lý chất lượng Nhà máy Bao bì Biên Hòa.
- Từ 06/2002 – Nay: Phó giám đốc Nhà máy Bao bì Biên Hòa.
- Từ 09/2003 – 2015: Thành viên HĐQT CTCP Bao bì Biên Hòa
- Từ 2016 – 14/01/2019: Chủ tịch HĐQT CTCP Bao bì Biên hòa
- Từ 15/01/2019 - Nay: Lãnh đạo khối SX & khối hỗ trợ kiêm Phó Chủ tịch HĐQT

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 118.974 cổ phần

**Ông PHẠM HỒNG ĐỨC**



Chức vụ: Giám đốc Khối tài chính kiêm Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính và Thương mại quốc tế

Quá trình công tác tại Công ty CP Bao bì Biên Hòa: Từ 02/2019 – Nay

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần



## Những thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc

Ngày 01/04/2019, bổ nhiệm Ông Đặng Ngọc Diệp làm Tổng Giám đốc Công ty CP Bao Bì Biên Hòa thay cho Ông Phạm Văn Điều.

Ngày 02/04/2019, bổ nhiệm Ông Phạm Hồng Đức làm Giám đốc Khối tài chính Công ty CP Bao Bì Biên Hòa.

Ngày 26/09/2019, bổ nhiệm Ông Phạm Hồng Đức kiêm nhiệm vị trí Kế toán trưởng Công ty CP Bao Bì Biên Hòa thay cho Ông Nguyễn Hoàng.

## Cơ cấu người lao động

Tính đến 31/12/2019, tổng số lao động của Công ty là 764 người với cơ cấu cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	87	11,39%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	123	16,10%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	11	1,44%
4	Lao động phổ thông	543	71,07%
<b>II</b>	<b>Theo hợp đồng lao động</b>		
1	Lao động trực tiếp	519	67,93%
2	Lao động gián tiếp	245	32,07%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>		
1	Nam	687	89,92%
2	Nữ	77	10,08%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>764</b>	<b>100%</b>



**Một số chính sách đối với người lao động**

**Chính sách đào tạo:**

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực luôn được SOVI coi trọng. Đó là sự đầu tư cho đội ngũ CB-CNV, là nền tảng cho sự phát triển lâu dài. Hoạt động đào tạo không chỉ tập trung vào chuyên môn mà còn chú trọng đến kỹ năng làm việc nhằm giúp nhân viên ngày càng hoàn thiện, tăng hiệu suất công việc và phát triển bản thân trên lộ trình nghề nghiệp mong muốn.
- Ngoài ra, Công ty luôn cam kết đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ mọi chế độ quyền lợi theo quy định của pháp luật.
- Cụ thể trong năm qua, Công ty tổ chức nhiều chương trình đào tạo về mặt nghiệp vụ và an toàn lao động. Thường xuyên cập nhật quy định, cơ cấu tổ chức, kiến thức về sản phẩm, tiêu chuẩn quản lý chất lượng cho CB-CNV. Ngoài ra, Công ty còn huấn luyện đào tạo trong vận hành máy móc an toàn hiệu quả, bổ sung kỹ năng quản lý.
- Hàng năm, Công ty tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ cho các CB-CNV sau khi ký kết hợp đồng lao động theo kế hoạch đào tạo hoặc đào tạo theo yêu cầu của đơn vị. Các chính sách hỗ trợ học phí đối với những CB-CNV có sự tìm tòi, học hỏi, nâng cao năng lực chuyên môn cũng được Công ty chú trọng.

**Chính sách tiền lương:**

- Công ty thực hiện chính sách lương dựa trên nghị định 153/2016/NĐ-CP ngày 14/11/2016 của Chính phủ về mức lương tối thiểu. Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục chính sách lương thông qua đánh giá hiệu quả công việc của từng CB-CNV.

**Chế độ lao động:**

Công ty luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước về chế độ làm việc, đảm bảo những quyền lợi cho người lao động và ngày càng có nhiều chính sách tốt hơn, đem lại sự an tâm cho người lao động.

**Chính sách phúc lợi:**

SVI chăm lo đến đời sống CB-CNV thông qua nhiều chính sách phúc lợi ngày càng toàn diện và hoàn thiện hơn như: du lịch nghỉ mát hàng năm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm cho toàn bộ CB-CNV và 2 lần/năm đối với những nhân viên làm việc trong môi trường độc hại nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động trong môi trường sản xuất và giúp người lao động yên tâm làm việc.

Công ty đã hỗ trợ các loại hình bảo hiểm như bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật và đảm bảo cho toàn thể cán bộ công nhân viên được hưởng đầy đủ theo chế độ. Ngoài ra, còn rất nhiều chế độ, chính sách chu đáo khác nhằm đem lại nhiều lợi ích cho hơn nữa cho CB - CNV.

**Chính sách khen thưởng:**

Để khích lệ, động viên và thưởng xứng đáng cho những nhân viên đóng góp vào sự phát triển của Công ty, SVI đã đưa ra nhiều chính sách khen thưởng phong phú:

- Lương tháng 13.
- Thưởng vào các ngày lễ lớn như Tết nguyên đán, lễ 30/04 - 01/05, lễ Quốc Khánh 2/9,...
- Thưởng hiệu quả công việc theo thành tích mỗi cá nhân và đơn vị.
- Thưởng tập thể cá nhân giỏi, lao động tiêu biểu.
- Thưởng “nóng” cho những thành viên có sáng kiến, cải tiến kĩ thuật.



*ĐVT: Nghìn đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015
Tiền lương bình quân	16.518	15.469	13.660	13.410	12.240

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



Công tác đầu tư được thực hiện theo chủ trương định hướng của HĐQT được thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2019 với kế hoạch đầu tư 21.000 triệu đồng. Trong thực tế Công ty đã đầu tư với số tiền là 20.137 triệu đồng chủ yếu nhằm mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện, dụng cụ sản xuất nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển của doanh nghiệp, nâng công suất sản xuất đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

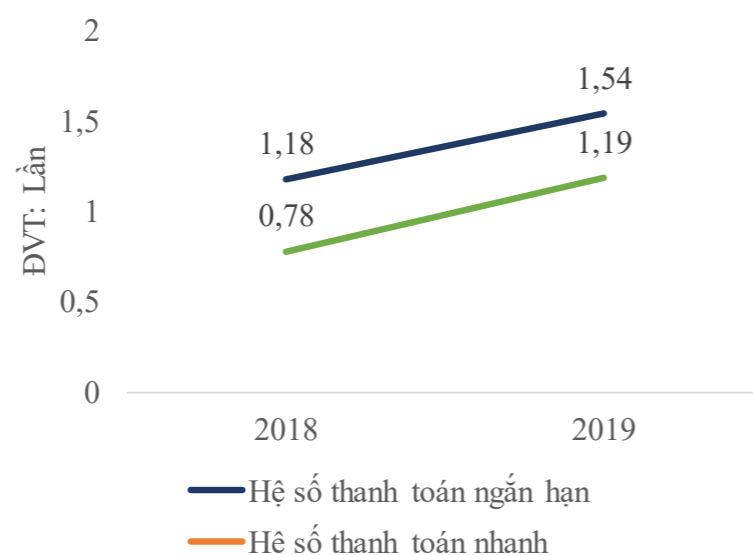
STT	Chỉ tiêu	2018	2019	% tăng/ giảm
1	Tổng tài sản	922.925	904.496	-2,0%
2	Doanh thu thuần	1.780.171	1.703.555	-4,3%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	75.017	186.726	148,9%
4	Lợi nhuận khác	2.417	-6.515	-369,5%
5	Lợi nhuận trước thuế	77.433	180.211	132,7%
6	Lợi nhuận sau thuế	61.207	141.248	130,8%
7	Cổ tức	-	-	-

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,18	1,54
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,78	1,19
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	63,19	48,7
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	171,68	94,93
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,34	7,96
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Vòng	1,93	1,86
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	3,44	8,29
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	17,66	35,15
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	6,58	15,46
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,21	10,96

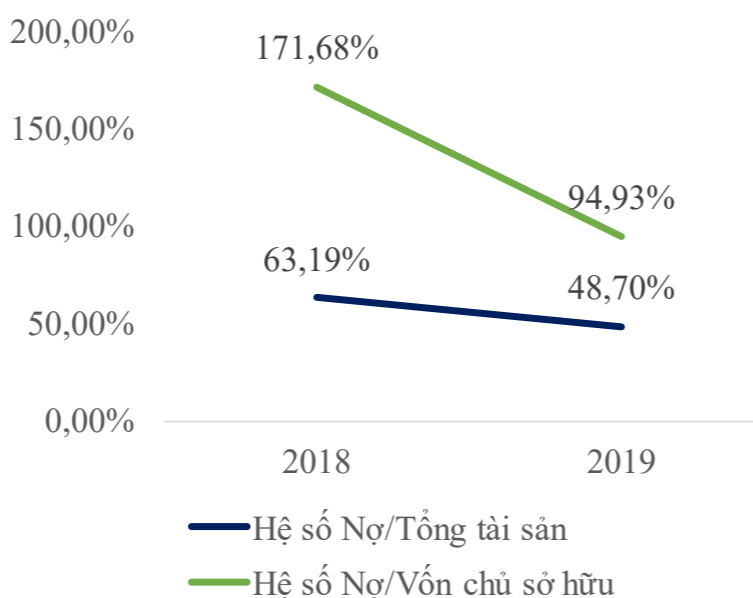
**Về khả năng thanh toán:**

Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,54 lần tăng nhẹ trong năm 2019 (2018 đạt 1,18 lần), hệ số thanh toán nhanh tăng mạnh trong năm 2019, đạt 1,19 lần (2018 đạt 0,78 lần). Nguyên nhân chủ yếu hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh tăng là do nợ ngắn hạn giảm 167,9 tỷ tương ứng giảm 31% so với năm 2018. Cụ thể nợ ngắn hạn giảm chủ yếu do khoản vay ngắn hạn giảm (giảm 131,9 tỷ đồng), Công ty đã thanh toán các khoản vay ngắn hạn với ngân hàng. Thêm vào đó hệ số thanh toán nhanh tăng là do hàng tồn kho trong năm 2019 giảm 176,5 tỷ đồng so với năm 2019.



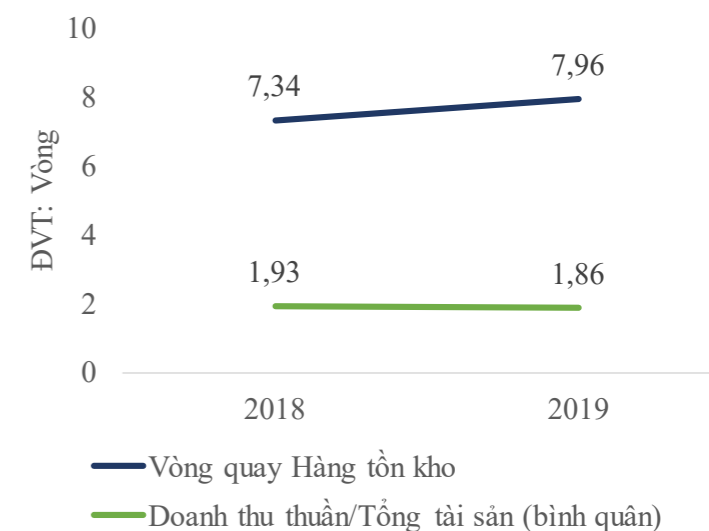
**Về cơ cấu vốn:**

Hệ số nợ/tổng tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu giảm tương đối mạnh so với năm 2018, lần lượt đạt 48,7% và 94,93%. Nguyên nhân hai hệ số này giảm mạnh là do nợ phải trả của Công ty giảm 142,7 tỷ đồng tương ứng giảm 24,5% so với năm 2018. Cụ thể nợ phải trả giảm do các khoản vay ngắn hạn đã được Công ty thanh toán trong năm, vay ngắn hạn giảm 131,9 tỷ đồng tương ứng giảm 59,5%. Ngoài ra hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm khá mạnh, nguyên nhân là do vốn chủ sở hữu năm 2019 tăng lên 124,3 tỷ đồng tương ứng tăng 37,6% so với năm 2018. Trong đó lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm 2019 đạt 210,7 tỷ đồng, tăng 96 tỷ đồng so với năm 2018. Đây là năm Công ty có kết quả hoạt động kinh doanh tốt nên cơ cấu vốn được cải thiện đáng kể.



**Về năng lực hoạt động:**

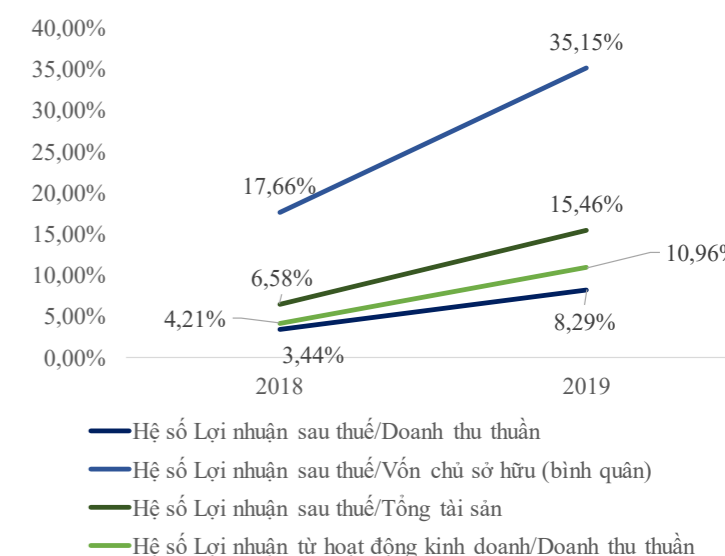
Trong năm vòng quay hàng tồn kho và hệ số doanh thu thuần/tổng tài sản tương đối ổn định, lần lượt đạt 7,96 vòng và 1,86 vòng. Trong đó vòng quay hàng tồn kho tăng nhẹ trong năm 2019 (năm 2018 đạt 7,34 vòng) do trong năm hoạt động kinh doanh tiến triển tốt, hàng tồn kho giảm 87,9 tỷ đồng tương ứng giảm 39,9% so với năm 2018.



Hệ số doanh thu thuần/tổng tài sản cho biết hiệu quả hoạt động của một đồng tài sản sẽ tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu. Trong năm, hệ số này tương đối ổn định cho thấy hiệu suất hoạt động của Công ty đang duy trì ổn định. Tuy nhiên, với tình hình cạnh tranh trong ngành càng cao, Công ty vẫn đang tiếp tục ứng dụng các công nghệ, máy móc, thiết bị hiện đại để gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

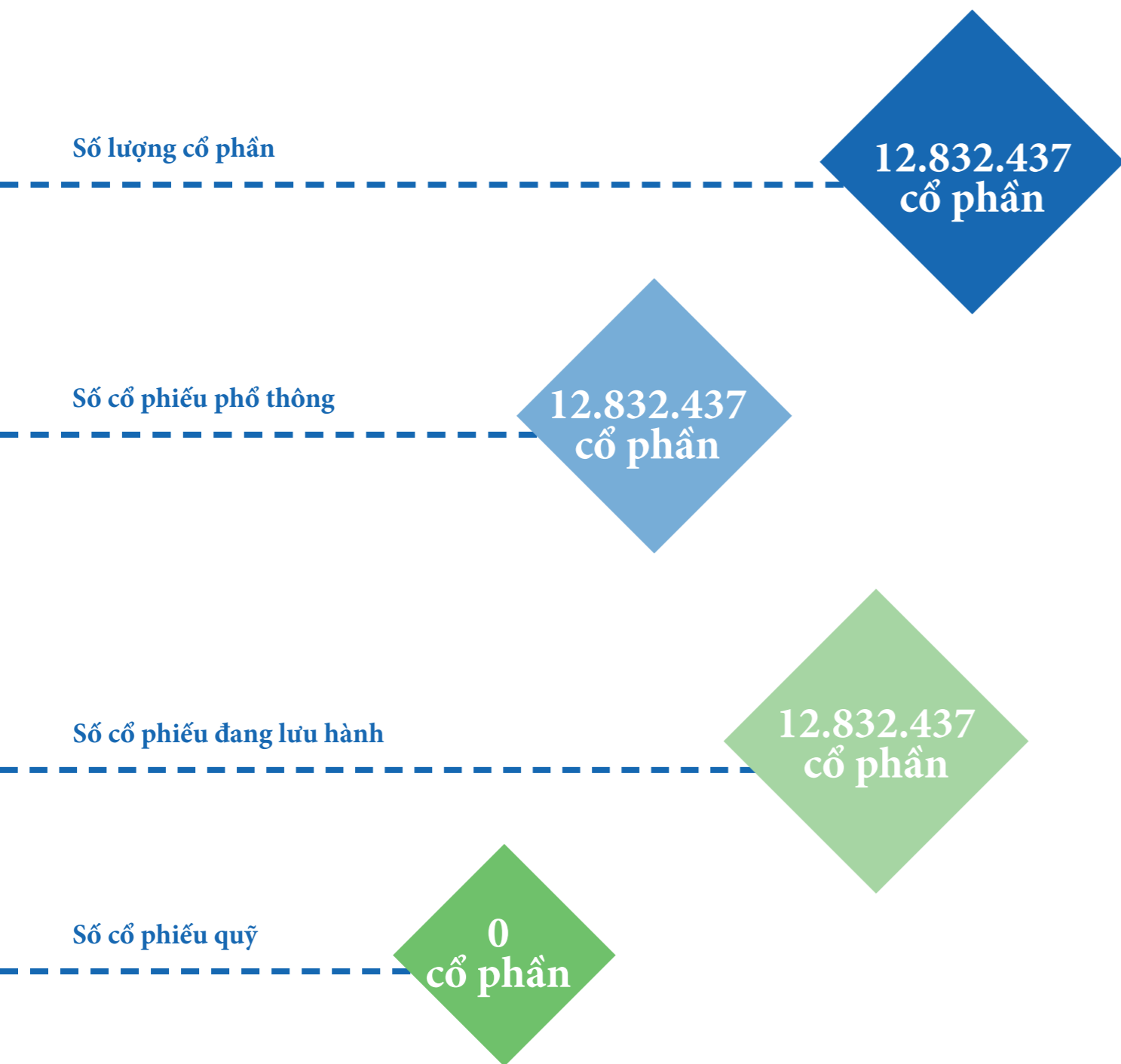
**Về khả năng sinh lời:**

Nhìn chung, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm có xu hướng tăng. Cụ thể, hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần năm 2019 đạt 8,29% (năm 2018 đạt 3,44%); hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu năm 2019 đạt 35,15% (năm 2018 đạt 17,66%); hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản năm 2019 đạt 15,46% (năm 2018 đạt 6,58%); hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần năm 2019 đạt 10,96% (năm 2018 đạt 4,21%).



Tất cả chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều tăng trong năm là do lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 80 tỷ đồng tương ứng tăng 130,8% so với năm 2018. Mặc dù trong năm doanh thu thuần giảm nhẹ so với năm 2018, nhưng giá vốn hàng bán giảm (tương đương 191,9 tỷ đồng) đã làm cho lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng lên. Điều này được hiểu là trong năm qua vận dụng sự ổn định về giá cả nguyên vật liệu, cùng với việc tái cấu trúc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cắt giảm/loại bỏ các tổn thất, lãng phí, gia tăng hiệu quả công tác quản trị đã tạo ra kết quả kinh doanh tốt cho Công ty.

**Cơ cấu cổ phần**



**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Trong năm Công ty không có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

**Cơ cấu cổ đông (cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 29/11/2019)**

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông trong nước	312	12.112.663	94,39%
	• Tổ chức	17	3.262.233	25,42%
	• Cá nhân	295	8.850.430	68,97%
2	Cổ đông nước ngoài	31	719.774	5,61%
	• Tổ chức	10	691.860	5,39%
	• Cá nhân	21	27.914	0,22%
<b>Tổng cộng</b>		<b>343</b>	<b>12.832.437</b>	<b>100%</b>





### Báo cáo quản lý nguồn nguyên vật liệu

Đối với ngành bao bì, yếu tố chi phí nguyên vật liệu chiếm tác động lớn đến giá thành sản phẩm và tăng lợi nhuận. Do đó doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển bền vững, phải thực hành tiết kiệm, sử dụng hiệu quả nguyên vật liệu. Nhằm đạt được điều đó Công ty phải lên kế hoạch cụ thể và nâng cấp hệ thống máy móc, thường xuyên kiểm tra hàng tồn kho. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng kiểm tra, rà soát để xây dựng hoàn thiện và chuẩn hóa các bộ tiêu chuẩn định mức như hiệu hao vật tư, nguyên vật liệu, các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.

- Công ty sử dụng giấy cuộn để sản xuất sản phẩm bao bì carton và giấy cuộn duplex để sản xuất giấy in offset. Tổng khối lượng sử dụng giấy năm 2019 là: 96.075 tấn.
- Nguyên liệu giấy thải ra trong năm 2019 khoảng 11.973 tấn giấy phế liệu. Công ty chuyển bán toàn bộ 100% cho các công ty sản xuất giấy cuộn trong nước để tái chế lại.

### Tiêu thụ nước

- Hiện nay, Việt Nam đang phải đối mặt với thách thức lớn về tình trạng ô nhiễm nguồn nước, đặc biệt là tại các khu công nghiệp và đô thị. Tại các thành phố lớn, lượng nước thải chưa qua xử lý của hàng trăm cơ sở sản xuất công nghiệp đang là nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường nguồn nước.
- Nhằm bắt được vấn đề này, để giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường. Công ty luôn tuân thủ đúng luật bảo vệ môi trường, xây dựng nâng cấp hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường, hành động đi đôi với phương châm cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống, khuyến khích CB-CNV sử dụng tiết kiệm nước.
- Sử dụng 100% nguồn nước sạch từ Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai. Năm 2019, tổng lượng nước sử dụng là: 69.578 m<sup>3</sup>/năm. Phân xưởng Xeo sử dụng nước đã qua hệ thống xử lý nước thải nội tại Phân xưởng.

### Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

Hiện nay, vấn đề ô nhiễm môi trường đang nhận được rất nhiều sự quan tâm của người dân. Tình trạng quy hoạch các khu đô thị, hình thành và mở rộng các khu công nghiệp chưa gắn liền với vấn đề xử lý chất thải và nước thải,... đã làm ô nhiễm môi trường ở mức báo động.

Theo ước tính Cục bảo vệ Môi trường, trong tổng số 183 khu công nghiệp trong cả nước thì có trên 60% khu công nghiệp chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tại các đô thị, chỉ có khoảng 60% - 70% chất thải rắn được thu gom, cơ sở hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải, chất thải nên chưa thể đáp ứng được các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Nhận thức được tầm quan trọng của môi trường trong sự nghiệp phát triển bền vững, Ban Lãnh đạo cùng toàn thể CB-CNV Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật trong quá trình sản xuất. Công ty đã thực hiện các biện pháp như sau:

Để đảm bảo chất lượng nguồn nước, Công ty phân tách mạng lưới nước thành hai hệ thống gồm: mạng lưới thoát nước mưa và mạng lưới thoát nước thải.

- Mạng lưới thoát nước mưa: nước mưa được thu trên mái, sân bãi và đường nội bộ của phân xưởng và đầu nối ra mạng lưới thoát nước mưa của KCN Biên Hòa 1. Mạng lưới được đảm bảo tiêu thoát nước kịp thời.
- Mạng lưới thoát nước thải: Công ty đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Bên cạnh đó, Công ty đã ký hợp đồng xử lý nước thải với Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi để xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn Quốc gia về Nước thải Công nghiệp (cột A).

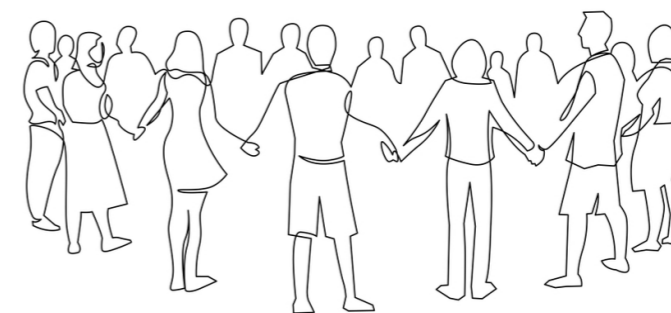


**Chính sách liên quan đến người lao động**

Nhân lực là một phần quan trọng trong mỗi tổ chức và có khả năng quyết định cao đến thành bại của một doanh nghiệp. Để phát triển, doanh nghiệp cần có sự quan tâm và phát triển nguồn nhân lực, tạo ra những giải pháp chiến lược phát triển nguồn nhân lực lâu dài và bền vững. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Công ty không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từ việc xây dựng hệ thống các quy chế, chính sách từ khâu tuyển dụng, đào tạo lương thưởng đến việc triển khai các tiêu chuẩn quản trị nguồn nhân lực tiên tiến trên thế giới.

Trong hoạt động đào tạo nhân viên, Công ty tổ chức nhiều chương trình huấn luyện bên trong và bên ngoài, trong đó có các chương trình được tài trợ của JICA và Trung tâm 3:

- Chương trình đào tạo sản xuất tinh gọn (Lean).
- Chương trình đào tạo quản trị kinh doanh cao cấp Keieijuku.
- Chương trình huấn luyện về FSC – Coc.
- Chương trình huấn luyện 5S; An toàn lao động, Sơ cấp cứu, ứng phó với tình huống khẩn cấp; PCCC.
- Chương trình huấn luyện bảo trì thiết bị
- Nằm trong mục tiêu đảm bảo quyền lợi cho người lao động, Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm và thực hiện nghiêm túc các chính sách sau:
- Đảm bảo 100% người lao động được ký hợp đồng lao động, có việc làm ổn định, đăng ký mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể theo đúng quy định pháp luật người lao động.
- Đảm bảo chế độ như nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ Tết, cán bộ công nhân viên có thời gian gắn bó với Công ty nhất định sẽ được hưởng chế độ lương tháng thứ 13. Ngoài ra, được thưởng theo quy định của Công ty khi đến lễ và Tết. Đồng thời, tạo điều kiện cho công nhân giao lưu và trao đổi kinh nghiệm qua những hoạt động ngoài trời do Công ty tổ chức.
- Ngoài việc chấp hành trả lương theo đúng quy định, Công ty còn có khoản thưởng dành cho người lao động có đóng góp và làm việc vì lợi ích chung của Công ty. Tạo động lực để người lao động phát huy khả năng trong môi trường làm việc.
- Cung cấp bữa ăn giữa trưa cho người lao động đảm bảo an toàn và chế độ dinh dưỡng, bồi dưỡng công nhân làm tăng ca.
- Thăm hỏi và hỗ trợ người lao động ốm đau, gia đình gặp khó khăn.



- Đảm bảo việc trang bị bảo hộ an toàn cho người động trong sản xuất, đồng thời tổ chức khám định kỳ hàng năm để đảm bảo sức khỏe và khuyến khích người lao động nâng cao hiệu quả trong sản xuất.
- Tạo môi trường làm việc an toàn và lành mạnh đối với người lao động, tuyên truyền việc giữ gìn và bảo vệ môi trường trong và ngoài Công ty.

Nhân viên	Số giờ đào tạo
Quản lý cấp Trung cao	14
Chuyên viên, Tổ trưởng	52
Nhân viên thừa hành, phục vụ	12
Công nhân sản xuất	60

**Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

- Công ty nhận thức việc đóng góp vào xã hội và cộng đồng là một yếu tố quan trọng góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty. Vì vậy, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB-CNV luôn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển, tiến bộ. Nhận thức trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương không chỉ là những hoạt động tài trợ tài chính mà còn là ý thức đảm bảo môi trường sống sạch và an toàn cho các hộ gia đình trên địa bàn hoạt động. Đồng thời, Công ty đã có các hoạt động phòng ngừa sự cố rò rỉ hóa chất/ chất thải nguy hại như lưu giữ và vận chuyển chất thải đúng cách, có bảng an toàn dễ nhận biết, trang bị thiết bị ứng cứu phòng ngừa kịp thời; phòng ngừa sự cố cháy nổ bằng cách trang bị hệ thống PCCC đúng quy định, bố trí hệ thống hợp lý an toàn.
- Một số hoạt động tiêu biểu được thể hiện qua những dữ liệu cụ thể như: Tạo công ăn việc làm cho địa phương, ổn định đời sống kinh tế cho người lao động; góp phần giữ gìn an ninh trật tự địa phương, ngăn ngừa tệ nạn xã hội; đóng góp ngân sách ngày càng lớn cho chính quyền địa phương; đóng góp tài chính cho các hoạt động nhân đạo của các đoàn thể, tổ chức thiện nguyện của địa phương và trung ương.

# 3 Báo cáo và đánh giá Ban Tổng Giám đốc

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch hoạt động năm 2020



- Tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2019 đạt khoảng 3,0%, giảm tốc bởi nhiều nguyên nhân, trong đó có cuộc chiến thương mại giữa hai nền kinh tế lớn nhất hành tinh là Mỹ và Trung Quốc, tiến trình Brexit, những căng thẳng địa chính trị, biến động của thị trường dầu mỏ... Tuy nhiên, mức tăng trưởng này diễn ra không đồng đều giữa các nhóm và thậm chí giữa các nước trong cùng nhóm. Nhìn chung trong năm 2019, các nền kinh tế lớn có tốc độ tăng trưởng không như kỳ vọng như Mỹ, Trung Quốc, Châu Âu, Nhật Bản,...
- Đi ngược lại bối cảnh chung của kinh tế thế giới, năm 2019 Việt Nam vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam, GDP tăng 7,02%. Mức tăng trưởng này là kết quả của sự phục hồi các khu vực nông, lâm, ngư nghiệp và dịch vụ, cùng với sự bứt phá của ngành công nghiệp chế tác. Xuất siêu khoảng 11,12 tỷ USD. Tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước năm 2019 đạt 517,26 tỷ USD, tăng 7,6% so với năm 2018. Lạm phát bình quân 2,73%, thấp nhất trong 3 năm gần đây khi lạm phát năm 2018 là 3,54%, năm 2017 là 3,53%.
- Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế Việt Nam đang phải đối diện với một số khó khăn và thách thức như: Xu hướng bảo hộ thương mại và hàng rào phi thuế quan ngày càng gia tăng. Nhằm đảm bảo sự tăng trưởng của thị trường nội địa, nhiều quốc gia đang ngày càng có xu hướng bảo hộ thương mại và áp đặt nhiều hàng rào phi thuế quan đối với hàng hóa Việt Nam, gây ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam, diễn biến thị trường ngoại hối khó lường.
- Chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế chủ chốt (Mỹ - Trung Quốc - EU) diễn ra căng thẳng hơn, các quốc gia có xu hướng tiếp tục phá giá đồng nội tệ của mình so với các đồng tiền mạnh (USD, EUR...) để hạn chế thiệt hại. Trung Quốc và Mỹ là 2 đối tác kinh tế quan trọng hàng đầu của Việt Nam nên việc thực thi các biện pháp bảo hộ thương mại của 2 nước này sẽ tác động đến Việt Nam, trực tiếp là đầu tư và xuất khẩu. Trong bối cảnh đó, Việt Nam sẽ chịu tác động tiêu cực, diễn biến tỷ giá VND/USD sẽ trở nên khó lường hơn, điều này ảnh hưởng rất lớn tới xuất khẩu và sau đó là tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, FED đã thực hiện 3 lần hạ lãi suất của đồng USD trong vòng một năm kể từ khi xảy ra cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu giai đoạn 2007-2008, điều này cũng tác động đến thanh khoản ngân hàng, nhập siêu và dòng vốn gián tiếp vẫn là những ẩn số cho thị trường ngoại hối trong thời gian tới.

Từ bức tranh kinh tế trong và ngoài nước cùng với thực tiễn hoạt động của Công ty, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019 như sau:

*ĐVT: Triệu đồng*

Chi tiêu	Năm 2019	Năm 2018	%tăng giảm
Doanh thu thuần	1.703.555	1.780.171	-4,3%
Lợi nhuận HĐKD	186.726	75.017	148,9%
Lợi nhuận trước thuế	180.211	77.433	132,7%
Lợi nhuận sau thuế	141.248	61.207	130,8%



## Tình hình tài sản của Công ty

<i>ĐVT: Triệu đồng</i>				
STT	Tiêu chí	2019	2018	% Tăng/ Giảm
1	Tài sản ngắn hạn	576.230	641.050	-10,1%
2	Tài sản dài hạn	328.267	281.875	16,5%
3	Tổng tài sản	904.496	922.925	-2,0%



- Tổng tài sản Công ty đạt 904,5 tỷ đồng, giảm 2% so với năm 2018 là 922,9 tỷ đồng. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho là những khoản mục chiếm tỷ trọng lớn, lần lượt là 58,4% và 23%. Trong năm, Công ty thực hiện siết chặt chính sách tín dụng trong bán hàng, giảm lượng hàng tồn kho góp phần làm cho tài sản ngắn hạn Công ty giảm 10,1% so với năm 2018.
- Trong cơ cấu tài sản dài hạn, tài sản cố định chiếm tỷ trọng lớn nhất là 55,4%, tăng 1,6% so với năm 2018. Thêm vào đó tài sản dài hạn khác chiếm 43,7% tăng 284,2% so với năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu là do tăng tiền thuê đất trả trước tại Lô B\_6A\_CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương và lô K3 - Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, Huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

## Tình hình nợ phải trả

<i>ĐVT: Triệu đồng</i>				
STT	Tiêu chí	2019	2018	% Tăng/ Giảm
1	Nợ ngắn hạn	373.618	541.501	-31,0%
2	Nợ dài hạn	66.870	41.714	60,3%
3	Tổng nợ	440.488	583.215	-24,5%
4	Vốn chủ sở hữu	464.009	339.710	36,6%
5	Tổng nguồn vốn	904.496	922.925	-2,0%



- Tổng nợ của Công ty trong năm 2019 đạt 440,5 tỷ đồng giảm 24,5% so với năm 2018 là 583,2 tỷ đồng. Trong đó nợ ngắn hạn chiếm 84,8% và giảm 31% so với năm 2018; chủ yếu là khoản nợ vay ngắn hạn trong năm giảm 131,9 tỷ đồng tương ứng giảm 59,5%. Nợ dài hạn chiếm 15,2% tổng nợ và tăng 60,3% so với năm 2018; trong đó khoản vay dài hạn trong năm tăng 25,3 tỷ đồng so với năm 2018, Công ty tăng khoản vay dài hạn 45,8 tỷ từ Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai tài trợ cho chi phí đầu tư xây dựng nhà máy.



### Cải tiến công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động:

- Công ty tiếp tục nâng cao tay nghề cho CB-CNV thông qua hình thức đào tạo nội bộ về các kỹ năng tác nghiệp và sản xuất, các khóa đào tạo bên ngoài. Bên cạnh đó, Công ty cũng mời các chuyên gia tư vấn có kinh nghiệm nhằm đào tạo chuyên ngành quản lý, kỹ thuật, sản xuất cho CB-CNV.
- Công tác tuyển dụng vẫn được duy trì thường xuyên đảm bảo cung ứng đầy đủ nhu cầu lao động trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đối với những công đoạn sản xuất giản đơn, Công ty tiếp tục tuyển dụng theo hình thức việc làm thời vụ nhằm tiết giảm chi phí.



### Duy trì và cải tiến tổ chức nhân sự:

- Công ty tiếp tục tái cấu trúc lại nguồn nhân lực trên tinh thần tinh gọn và có hiệu quả. Cụ thể:
- Hoàn chỉnh bộ hồ sơ giao việc, phương pháp xây dựng mục tiêu và đánh giá KPI của bộ phận và cá nhân;
  - Tiếp tục rà soát hoàn chỉnh nội dung và danh mục các cấp tài liệu để quản lý thống nhất toàn Công ty, hướng dẫn giao việc và kiểm soát công việc và đặc biệt hoàn thành bộ tiêu chí năng lực cốt lõi của Công ty làm cơ sở cho các bộ phận, phân xưởng tiến hành xây dựng tiêu chí ASK cho từng nhân viên cấp dưới.
  - Tiếp tục duy trì phân tích chuyên đề theo các lĩnh vực của từng bộ phận phụ trách như khiếu nại chăm sóc khách hàng, theo dõi diễn biến các định mức tiêu hao vật tư chính, phân tích đánh giá các tiêu hao bất thường, tuy nhiên hiệu quả của việc quản lý vẫn còn khiêm tốn, chưa phát huy hết khả năng của từng người và từng công việc.

### Chính sách tiêu thụ sản phẩm:

- Sản phẩm chính vẫn là bao bì Carton và bao bì Offset với đa dạng chủng loại, kiểu dáng.
- Gia tăng thị phần tại phân khúc khách hàng truyền thống trong các ngành hàng tiêu dùng căn bản để đảm bảo sản lượng ổn định, giữ vững thị phần.
- Đẩy mạnh tối đa công tác phát triển thị trường, khách hàng mới.
- Phối hợp, tư vấn và đáp ứng tốt nhất các yêu cầu phát triển mẫu mã sản phẩm mới, dự án mới của khách hàng, thực hiện tốt nhất giao hàng đúng hạn, đủ số lượng, đạt chất lượng.



### Công tác quản lý chất lượng:

- Công ty duy trì áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015 nhằm đảm bảo kiểm soát các yếu tố của các quá trình liên quan, đảm bảo chất lượng sản phẩm sản xuất ra phù hợp với các yêu cầu chất lượng của khách hàng.
- Thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá chất lượng nội bộ, công tác kiểm tra giám sát tuân thủ hàng ngày, công tác cải tiến để đảm bảo tính hiệu lực và tính hiệu quả của Hệ thống chất lượng.
- Khi có sự không phù hợp phát sinh, thực hiện nghiêm túc hoạt động điều tra nguyên nhân gốc rễ và xác định biện pháp khắc phục phòng ngừa hiệu quả để loại bỏ nguyên nhân phát sinh sai lỗi.
- Giải quyết nhanh chóng và hiệu quả các phàn nàn, khiếu nại của khách hàng, đảm bảo sự hài lòng và yên tâm cho khách hàng khi mua hàng của SOVI.



- Tình hình kinh tế chính trị thế giới năm 2020 có nhiều dự đoán sẽ tăng trưởng chậm lại và có nhiều diễn biến phức tạp, không đồng đều giữa các nước. Khuynh hướng của chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng quyết liệt. Các rào cản thuế quan dùng để ngăn cản thương mại tự do gia tăng mạnh mẽ ở các thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam, gây khó khăn cho hàng Việt Nam khi xuất khẩu. Bên cạnh đó, dịch Covid-19 được xem là sự kiện “Thiên Nga Đen” đối với nền kinh tế thế giới, hiện nay dịch bệnh đã lây nhiễm sang nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ, khiến quá trình lưu thông hàng hóa trên thế giới bị đình trệ.
- Nền kinh tế Việt Nam nhiều khả năng sẽ chịu cú sốc từ phía cầu - nhu cầu trên toàn cầu sụt giảm, và từ phía cung - gián đoạn sản xuất do thiếu nguyên vật liệu do độ mở của nền kinh tế ngày càng lớn. Tình trạng khan hiếm nguyên liệu đầu vào từ Trung Quốc do sản xuất tại đây bị ngưng trệ, đã có tác động tiêu cực lên tăng trưởng sản xuất các ngành công nghiệp của Việt Nam. Theo hiệp hội giấy và Bột giấy Việt Nam (VPPA) cho biết, ảnh hưởng từ thị trường Trung Quốc và quốc tế, hiện nay các loại giấy thu hồi (RCP) làm nguyên liệu sản xuất giấy và giấy cuộn thành phẩm trong nước đều đã bắt đầu tăng giá. Dự kiến giá sẽ tiếp tục tăng cao hơn khi thị trường Trung Quốc hồi phục sau dịch bệnh.



Với những nhận định về thị trường và tình hình kinh tế trong và ngoài nước, Ban lãnh đạo của Công ty đã lên kế hoạch và mục tiêu phát triển cho năm 2020. Cụ thể, kết quả đạt được năm 2019 và mục tiêu cần đạt được của năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020
1	Sản lượng	Tấn	106.307
2	Doanh thu	Triệu đồng	1.930.000
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	155.000

**Kế hoạch hoạt động 2020-2021**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2020	2021
Bao bì giấy (Carton, Offset)	Tấn	106.307	122.300
Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.930.000	2.250.000
LN trước thuế TNDN	Triệu đồng	155.000	200.000
Cổ tức	%	20%	15%



## Các giải pháp thực hiện

- Tiếp tục chiến lược đầu tư đổi mới và nâng cấp thiết bị hiện có để nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo cung cấp sản phẩm đến khách hàng đúng tiến độ, số lượng và chất lượng theo yêu cầu của khách hàng. Đảm bảo đầy đủ (kể cả dự phòng) các nguồn lực vật chất và con người để phục vụ sản xuất.
- Đặc biệt chú trọng trong công tác quản lý hàng tồn kho, dự báo nhu cầu, tốc độ tăng trưởng đơn hàng không để xảy ra tình trạng thiếu nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.
- Tiếp tục rà soát và điều chỉnh chính sách giá, chính sách sản phẩm, chính sách khách hàng thông qua giá cả hợp lý và cạnh tranh nhất so với đối thủ trên thị trường v.v... thông qua các chương trình kiểm soát và tiết giảm chi phí từ định mức nhân viên; giá mua trên thị trường; tăng năng suất lao động; giảm thời gian chết của MMTB,... nhằm đáp ứng một cách kịp thời, linh hoạt và tăng sức cạnh tranh của công ty.




- ^ Duy trì và cải tiến hệ thống chất lượng sản phẩm thông qua các giải pháp:
  - < > • Rà soát và cải tiến các quy trình kiểm soát chất lượng từ nguyên vật liệu, con người, thiết bị, phương pháp trên cơ sở hành động phải cụ thể rõ ràng; cần thiết và khả thi.
  - ^
  - < > • Đảm bảo tất cả người lao động am hiểu công việc của mình được phân công, làm được và tuân thủ thực hiện.
  - ^
  - < > • Các kết quả chất lượng phải được đo lường, được ghi nhận và phân tích để cải tiến.
  - ^
  - < > • Tuân thủ điều tra nguyên nhân theo 3M (hiện trường, hiện trạng, hiện vật) & hành động khắc phục phòng ngừa. Duy trì hoạt động đánh giá chất lượng nội bộ.
  - ^
  - < > • Tiếp tục đẩy mạnh công tác bán hàng, phát triển thị trường và khách hàng thông qua việc tổ chức hoạt động marketing độc lập để nghiên cứu thị trường, khách hàng. Củng cố lại đội ngũ bán hàng, nâng cao kỹ năng bán hàng, khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh, tiếng Hoa.
  - ^
  - < > • Tiếp tục triển khai thường xuyên công tác huấn luyện và đào tạo các kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm cho các cấp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công việc cho từng thành viên. Chủ động và mở rộng công tác đào tạo nội bộ thường xuyên về các kỹ năng làm việc, kỹ năng sản xuất cho từng công nhân sản xuất nhằm tối ưu hóa các quy trình sản xuất thông qua việc vận hành theo đúng quy trình, quy định, từ đó hạn chế các sai lỗi trong quá trình sản xuất, tăng chất lượng sản phẩm, giảm chi phí.
  - ^
  - < > • Tập trung hoàn tất việc triển khai các giải pháp ứng dụng phần mềm trong công tác quản trị sản xuất và điều hành nhằm tối ưu hóa từng vị trí và quy trình làm việc, gia tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí.

### Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có



A background image showing a group of business professionals in a meeting. They are gathered around a table, looking at documents and laptops. The scene is brightly lit, suggesting an office environment. A blue banner is overlaid on the image, containing text and a list of bullet points.

# 4

## Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về tình hình kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

- Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2019 đạt 7,02%, trong tình hình kinh tế thế giới đầy biến động năm 2019 nền kinh tế Việt Nam được xem là điểm sáng trong nền kinh tế thế giới. Các chỉ số kinh tế vĩ mô như lạm phát, lãi suất.... đều được kiểm soát, không có biến động nhiều, đạt mục tiêu của Quốc hội đề ra. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu lần đầu tiên vượt ngưỡng 500 tỷ USD và đạt 516 tỷ USD, thặng dư thương mại 9,9 tỷ USD.
- Tiêu dùng, giấy bao bì năm 2019 ước tính đạt sản lượng 4,175 triệu tấn, tăng trưởng 12,5% so với cùng kỳ năm 2018, mặc dù tốc độ tăng trưởng tiêu thụ thấp hơn kỳ năm. Về xuất khẩu, năm 2019 ước tính đạt sản lượng 0,801 triệu tấn và tăng trưởng 25%, xuất khẩu chủ yếu là giấy lớp mặt và giấy lớp sóng. Thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam chủ đạo là trong khu vực, như Trung Quốc chiếm tỷ trọng khoảng 67%, các quốc gia Châu Á khác 26%, Châu Phi 2,8%, Bắc Mỹ 2,5%, Châu Âu 1,7%.
- Với những khó khăn và thuận lợi trong năm qua, đội ngũ CBCNV đã làm việc rất năng suất, đoàn kết, luôn nỗ lực trong sản xuất kinh doanh để đạt được kế hoạch đề ra cũng như đáp ứng một cách tốt nhất đơn hàng của khách hàng.

## Đánh giá chỉ tiêu kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	ĐVT: Triệu đồng
			%tăng giảm
Doanh thu thuần	1.703.555	1.780.171	-4,30%
Lợi nhuận gộp	299.039	185.488	61,22%
Lợi nhuận HĐKD	186.726	75.017	148,91%
Lợi nhuận trước thuế	180.211	77.433	132,73%
Lợi nhuận sau thuế	141.248	61.207	130,77%

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Tổng kết năm 2019, Hội đồng quản trị đánh giá cao những cống hiến của Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý điều hành cũng như tinh thần trách nhiệm cao. Cụ thể, Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt các nội dung công việc sau:

- Đảm bảo đạt được các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019 đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 thông qua, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- Thường xuyên, liên tục kiểm tra các hoạt động về công tác tài chính, kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ tại các chi nhánh.
- Xây dựng các kế hoạch kinh doanh, kiểm soát chi phí, đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất.
- Trực tiếp chỉ đạo, định hướng sản xuất kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bao Bi Biên Hòa.
- Đảm bảo nguồn vốn hoạt động và hiệu quả chung của Công ty trong năm 2019.

- Định kỳ báo cáo với Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời, đề xuất các giải pháp liên quan để Hội đồng quản trị vừa nắm bắt được tình hình hoạt động của Công ty vừa có căn cứ chính xác và thực tế để đưa ra quyết sách hợp lý, phù hợp với chiến lược dài hạn mà Công ty đã đề ra trước đó.
- Tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, cũng như các quyết định mà Hội đồng quản trị đã ban hành trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin. Tuân thủ đầy đủ các quy định về báo cáo định kỳ hoặc bất thường.

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới biến động do những bất ổn về chính trị và có tác động nhất định đến kinh tế Việt Nam, Ban Tổng Giám đốc vẫn hoàn thành tốt vai trò, chức năng và nhiệm vụ của mình trong công tác quản lý nội bộ và chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.



# 5 Báo cáo Quản trị Công ty

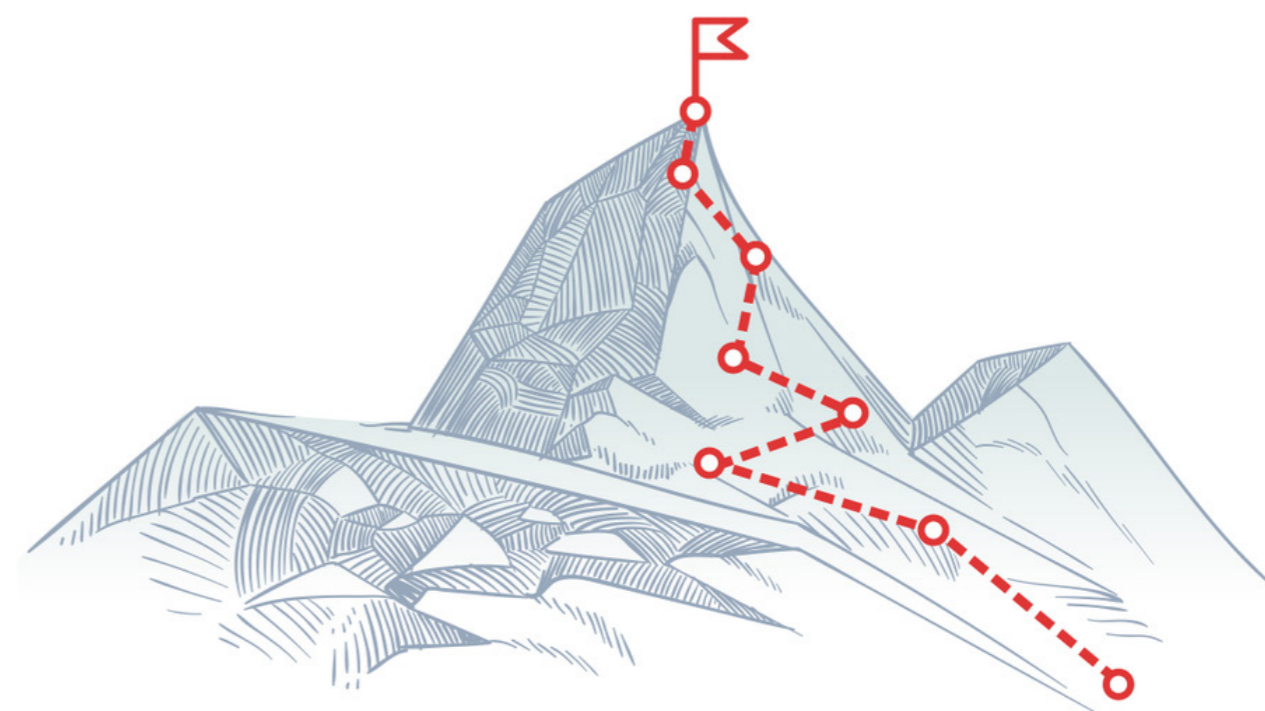
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao, lương thưởng, các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD, BKS.

## Thành viên hội đồng quản trị

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ngày không còn là thành viên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Trịnh Thanh Cần	Chủ tịch	15/01/2019 -19/04/2023	14/14	100%	Bắt đầu nhiệm kỳ
2	Ông Trần Trang Bình	Phó Chủ tịch	20/04/2018 -19/04/2023	15/15	100%	
3	Ông Phạm Văn Điều	Phó Chủ tịch	20/04/2018 -15/01/2019	01/01	100%	Miễn nhiệm
4	Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên	15/01/2019 -19/04/2023	14/14	100%	Bắt đầu nhiệm kỳ
5	Ông Nguyễn Quý Thịnh	Thành viên	15/01/2019 -19/04/2023	14/14	100%	Bắt đầu nhiệm kỳ
6	Ông Đặng Ngọc Diệp	Thành viên	20/04/2018 -19/04/2023	15/15	100%	
7	Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên	15/01/2019 -19/04/2023	14/14	100%	Bắt đầu nhiệm kỳ
8	Ông Hoàng Ngọc Lựu	Thành viên	20/04/2018 -15/01/2019	01/01	100%	Miễn nhiệm
9	Ông Nguyễn Hoàng	Thành viên	20/04/2018 -15/01/2019	01/01	100%	Miễn nhiệm
10	Ông Hoàng Hiếu Tri	Thành viên	20/04/2018 -19/04/2023	15/15	100%	
11	Ông Trương Hoa Minh	Thành viên	20/04/2018 -15/01/2019	0	0	Miễn nhiệm

## Số cổ phiếu sở hữu và Thành viên HĐQT độc lập

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên	Số cổ phần sở hữu	Thành viên HĐQT độc lập
1	Ông Trịnh Thanh Cần	Chủ tịch	15/01/2019		
2	Ông Trần Trang Bình	Phó Chủ tịch	20/04/2018	118.974	
3	Ông Hoàng Hiếu Tri	Thành viên	20/04/2018	20	X
4	Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên	15/01/2019		X
5	Ông Nguyễn Quý Thịnh	Thành viên	15/01/2019		X
6	Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên	15/01/2019		
7	Ông Đặng Ngọc Diệp	Thành viên	20/04/2018	11.715	



## Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc



- Đánh giá tình hình thực hiện SXKD và kết quả kinh doanh năm 2018. Phân tích nguyên nhân từ đó định hướng hoạt động SXKD năm 2019.
- Chỉ đạo điều hành, phân bổ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý. Thực hiện việc kiểm tra giám sát tình hình SXKD - Tài chính theo kế hoạch đã phê duyệt.
- Chọn Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2019.
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường (15/01/2019) và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (10/05/2019).
- Ủy quyền vay vốn, mở tài khoản, thế chấp tài sản, hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered, Ngân hàng TNHH CTBC, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Viettin Bank), Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh Hồ Chí Minh, Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai nhằm đảm bảo nguồn vốn hoạt động và hiệu quả của Công ty trong năm 2019.
- Giám sát thực hiện đầu tư, kinh doanh theo phương hướng kế hoạch SXKD năm 2019 đã được Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019 thông qua ngày 10/05/2019.
- Chỉ đạo, định hướng hoạt động SXKD tại Chi nhánh Công ty cổ phần Bao Bì Biên Hòa.
- Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bao Bì Biên Hòa đối với ông Đặng Ngọc Diệp. Bổ nhiệm chức danh Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin, Người phụ trách quản trị Công ty cổ phần Bao Bì Biên Hòa đối với Ông Phạm Hồng Đức. Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bao Bì Biên Hòa đối với Ông Phạm Văn Điều, Phó Giám đốc kỹ thuật đối với Ông Hà Văn Sơn, Kế toán trưởng đối với Ông Nguyễn Hoàng.



## Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT/2019	03/01/2019	Thông qua việc công bố địa điểm, thời gian tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2019. Thông qua đơn xin từ nhiệm 04 Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023. Thông nhất doanh sách để cử 4 ứng viên vào TV HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023. Tiếp nhận đơn xin từ nhiệm 02 Thành Viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023. Thông qua danh sách để cử 02 thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023.
2	02/NQ-HĐQT/2019	15/01/2019	Thông qua bỏ phiếu biểu quyết bầu chức danh Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2023: 1. Ông Trịnh Thanh Cẩn: Chủ tịch Hội đồng quản trị 2. Ông Trần Trang Bình: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
3	03/NQ-HĐQT/2019	22/03/2019	Thông qua sơ đồ cấu trúc tổ chức mới của Công ty. Thông qua kinh phí hoạt động của HĐQT&BKS năm 2019. Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2019 Thông qua việc trích phần lợi nhuận thưởng cho Ban Điều hành. Thông qua thành lập các Ủy ban trực thuộc HĐQT (Ủy ban Nhân sự & lương thưởng; Ủy ban quản lý rủi ro). Chuẩn bị các nội dung họp Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2019. Thông qua thư ký HĐQT là Ông Phạm Hồng Đức.
4	25A/QĐ-BBBH/2019	01/04/2019	Quyết định bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với Ông Đặng Ngọc Diệp



### Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Đỗ Thị Ngọc Hạnh	Trưởng BKS	15/01/2019	4/4	100%
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Phúc	TV BKS	15/01/2019	4/4	100%
3	Bà Nguyễn Phương Thảo	TV BKS	10/05/2019	3/3	100%

### Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông



- Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty. Thực hiện việc đánh giá, giám sát tình hình kinh doanh, kịp thời phản ánh, ghi nhận hoạt động của Công ty để báo cáo cho Hội Đồng Quản trị trong các kỳ họp định kỳ. Định kỳ, Ban kiểm soát thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
- Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy các thành viên HĐQT và BGD đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện nghị quyết đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 thông qua. Xây dựng các định hướng, chỉ đạo điều hành Công ty, thảo luận và quyết nghị về những vấn đề chính yếu của Công ty. Các biên bản, Nghị quyết của HĐQT được Thư ký Công ty ghi chép biên bản đầy đủ và công bố thông tin đúng thời hạn theo các nội dung đã thống nhất thông qua và được Ban điều hành triển khai thực hiện.



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
5	25/QĐ-BBBH/2019	01/04/2019	Quyết định miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với Ông Phạm Văn Điều
6	26/QĐ-BBBH/2019	02/04/2019	Quyết định bổ nhiệm chức danh Giám đốc Tài chính đối với Ông Phạm Hồng Đức
7	14/ BBBH/2019	03/04/2019	Ủy quyền Ông Phạm Hồng Đức là Người được ủy quyền công bố thông tin
8	50/QĐ-BBBH/2019	17/05/2019	Quyết định miễn nhiệm Phó giám đốc kỹ thuật Công ty đối với Ông Hà Văn Sơn
9	04/BB-BBBH/2019	12/06/2019	Ủy quyền vay vốn, gia hạn hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TNHH CTBC
10	05/BB-BBBH/2019	12/06/2019	Ủy quyền vay vốn, gia hạn hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)
11	06/BB-BBBH/2019	12/06/2019	Ủy quyền vay vốn, gia hạn hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered
12	07/BB-BBBH/2019	26/07/2019	Bổ nhiệm Ông Phạm Hồng Đức là Người phụ trách quản trị Công ty
13	08/BB-BBBH/2019	30/07/2019	Ủy quyền vay vốn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan
14	09/BB-BBBH/2019	25/09/2019	Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với Ông Nguyễn Hoàng
15	10/BB-BBBH/2019	25/09/2019	Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với Ông Phạm Hồng Đức
16	11/BB-BBBH/2019	30/09/2019	Ủy quyền vay vốn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan
17	12/BB-BBBH/2019	01/10/2019	Ủy quyền mở tài khoản tại Ngân hàng Malayan Banking Berhad-CN HCM
18	13/BB-BBBH/2019	28/10/2019	Thông qua đầu từ một số hạng mục, nâng công suất các nhà máy
19	14/BB-BBBH/2019	01/11/2019	Ủy quyền vay vốn tại Ngân hàng Malayan Banking Berhad-CN HCM
20	15/BB-BBBH/2019	23/12/2019	Ủy quyền thế chấp tài sản tại Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai

## Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; Triển khai kiểm tra, giám sát thường xuyên mọi hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành. Cụ thể bao gồm:

- Kiểm tra, rà soát lại các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành; kiểm tra các tờ trình của Giám đốc, nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Góp ý kiến thiết thực, tham gia ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD chung của Công ty tại các cuộc họp HĐQT.
- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong thời gian qua.
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên về việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban giám đốc theo đúng điều lệ tổ chức và hoạt động; nghị quyết của HĐQT đã ban hành.
- Hàng quý kiểm soát tình hình tài chính của Công ty thông qua báo cáo tài chính quý được lập theo quy định.
- HĐQT, Giám Đốc, người quản lý khác đã cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty, tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi.
- Các tài liệu trong các kỳ họp của HĐQT đều được cung cấp đồng thời cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm cung cấp cho Hội đồng quản trị, nhờ đó BKS có thể giám sát tốt các hoạt động của công ty, có ý kiến kịp thời đến công tác quản lý, điều hành của Công ty.



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO, LƯƠNG, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2019, thù lao, lương, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát đã chi đạt 4.733.564.344 đồng

### Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	Người có liên quan của người nội bộ	292.070	2,28%	0	0%	Cơ cấu danh mục đầu tư
2	Nguyễn Hoàng	KTT	6.829	0,053%	9	0,00007%	Lý do cá nhân
3	SSIAM SIF-VIETNAM ACTIVE VALUE PORTFOLIO	Người có liên quan của Người nội bộ	1.422.000	11,08%	650.000	5,07%	Khớp lệnh, thỏa thuận trên TTCK
4	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	Người có liên quan của Người nội bộ	0	0%	772.000	6,01%	Khớp lệnh trên TTCK





# 6 Báo cáo tài chính

- Ý kiến của kiểm toán
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán

## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trịnh Thanh Căn  
 Ông Trần Trang Bình  
 Ông Trần Văn Điều  
 Ông Đặng Ngọc Diệp  
 Ông Hoàng Hiếu Tri  
 Ông Vũ Đức Tiến  
 Ông Nguyễn Quý Thịnh  
 Ông Nguyễn Đức Minh  
 Ông Hoàng Ngọc Lựu  
 Ông Nguyễn Hoàng  
 Ông Trương Hoa Minh

Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2019)  
 Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2019)  
 Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2019)  
 Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2019)  
 Thành viên  
 Thành viên  
 Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2019)  
 Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2019)  
 Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2019)  
 Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2019)  
 Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2019)  
 Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2019)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đặng Ngọc Diệp  
 Ông Phạm Văn Điều  
 Ông Trần Trang Bình  
 Ông Phạm Hồng Đức  
 Ông Đặng Ngọc Diệp  
 Ông Hà Văn Sơn

Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2019)  
 Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2019)  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Giám đốc tài chính (bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2019)  
 Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2019)  
 Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019)

**Ban Kiểm soát**

Bà Đỗ Thị Ngọc Hạnh  
 Ông Lý Phát  
 Bà Nguyễn Thị Hồng Phúc  
 Bà Nguyễn Phương Thảo  
 Bà Nguyễn Thị Hường  
 Bà Nguyễn Thanh Trúc

Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2019)  
 Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2019)  
 Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2019)  
 Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2019)  
 Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2019)  
 Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2019)

**Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Trịnh Thanh Căn. Ông Đặng Ngọc Diệp được Ông Trịnh Thanh Căn ủy quyền ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.


**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

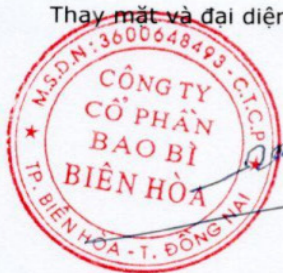
Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc 



**Đặng Ngọc Diệp**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2020

1125  
HI N  
CÓN  
H NH  
ELI  
VIỆT  
- TP

**Deloitte.**

Số: 0547 /VN1A-HC-BC

**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**  
Tầng 18, Tòa nhà Times Square,  
57-69F Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: +84 28 7101 4555  
Fax : +84 28 3910 0750  
www.deloitte.com/vn

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát  
Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2020, từ trang 4 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Kết luận của Kiểm toán viên**


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác, với báo cáo kiểm toán độc lập phát hành ngày 19 tháng 3 năm 2019 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0138-2018-001-1  
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 27 tháng 3 năm 2020  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

  
**Nguyễn Tuấn Ngọc**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2110-2018-001-1

1125  
ÁNH  
TY  
HỮU  
TTI  
NAM  
HỒ C

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>576.229.807.013</b>	<b>641.050.259.838</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>83.963.765.745</b>	<b>41.131.339.908</b>
1. Tiền	111	4	83.963.765.745	41.131.339.908
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>22.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	22.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>336.436.042.026</b>	<b>378.153.565.536</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	326.984.757.668	361.942.799.625
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	10.086.707.689	16.646.879.007
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		684.155.083	586.169.652
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.319.578.414)	(1.022.282.748)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>132.560.628.563</b>	<b>220.487.320.988</b>
1. Hàng tồn kho	141		132.560.628.563	220.487.320.988
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.269.370.679</b>	<b>1.278.033.406</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.269.370.679	1.192.278.309
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	-	85.755.097
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>328.266.646.076</b>	<b>281.875.033.014</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>122.022.065</b>	<b>328.510.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		122.022.065	328.510.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>181.728.868.679</b>	<b>178.869.029.057</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	181.711.050.779	177.559.261.397
- Nguyên giá	222		567.870.124.198	527.695.011.490
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(386.159.073.419)	(350.135.750.093)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	-	1.067.962.360
- Nguyên giá	225		-	4.271.849.410
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(3.203.887.050)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	17.817.900	241.805.300
- Nguyên giá	228		2.156.334.089	2.156.334.089
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.138.516.189)	(1.914.528.789)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.092.959.572</b>	<b>3.329.641.694</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	3.092.959.572	3.329.641.694
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>143.322.795.760</b>	<b>99.347.852.263</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	141.854.738.995	97.879.795.498
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	1.468.056.765	1.468.056.765
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>904.496.453.089</b>	<b>922.925.292.852</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản ủy thác đầu tư có kỳ hạn mới mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>576.229.807.013</b>	<b>641.050.259.838</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>83.963.765.745</b>	<b>41.131.339.908</b>
1. Tiền	111	4	83.963.765.745	41.131.339.908
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>22.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	22.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>336.436.042.026</b>	<b>378.153.565.536</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	326.984.757.668	361.942.799.625
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	10.086.707.689	16.646.879.007
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		684.155.083	586.169.652
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.319.578.414)	(1.022.282.748)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>132.560.628.563</b>	<b>220.487.320.988</b>
1. Hàng tồn kho	141		132.560.628.563	220.487.320.988
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.269.370.679</b>	<b>1.278.033.406</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.269.370.679	1.192.278.309
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	-	85.755.097
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>328.266.646.076</b>	<b>281.875.033.014</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>122.022.065</b>	<b>328.510.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		122.022.065	328.510.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>181.728.868.679</b>	<b>178.869.029.057</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	181.711.050.779	177.559.261.397
- Nguyên giá	222		567.870.124.198	527.695.011.490
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(386.159.073.419)	(350.135.750.093)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	-	1.067.962.360
- Nguyên giá	225		-	4.271.849.410
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(3.203.887.050)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	17.817.900	241.805.300
- Nguyên giá	228		2.156.334.089	2.156.334.089
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.138.516.189)	(1.914.528.789)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.092.959.572</b>	<b>3.329.641.694</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	3.092.959.572	3.329.641.694
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>143.322.795.760</b>	<b>99.347.852.263</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	141.854.738.995	97.879.795.498
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	1.468.056.765	1.468.056.765
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>904.496.453.089</b>	<b>922.925.292.852</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>440.487.802.124</b>	<b>583.215.268.919</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>373.618.149.904</b>	<b>541.501.153.484</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	205.183.229.894	270.610.255.579
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		68.366.451	1.464.504
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	20.508.375.410	8.201.575.273
4. Phải trả người lao động	314		25.945.990.553	24.763.784.123
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	15.677.171.692	12.018.621.821
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	2.116.833.522	1.694.477.744
7. Vay ngắn hạn	320	20	89.726.334.675	221.586.766.781
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	14.391.847.707	2.624.207.659
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>66.869.652.220</b>	<b>41.714.115.435</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	-	140.000.000
2. Vay dài hạn	338	22	59.529.368.395	34.233.831.610
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	7.340.283.825	7.340.283.825
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>464.008.650.965</b>	<b>339.710.023.933</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>464.008.650.965</b>	<b>339.710.023.933</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		128.324.370.000	128.324.370.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		636.060.646	636.060.646
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		124.334.305.513	96.084.617.551
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		210.713.914.806	114.664.975.736
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		114.664.975.736	76.104.710.977
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		96.048.939.070	38.560.264.759
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>904.496.453.089</b>	<b>922.925.292.852</b>

Lý Phát  
Người lập biểu

Phạm Hồng Đức  
Kế toán trưởng

Đặng Ngọc Diệp  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu gộp</b>	<b>01</b>	<b>27</b>	<b>1.703.650.569.533</b>	<b>1.783.701.499.090</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	95.374.470	18.914.074
<b>3. Doanh thu thuần (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>27</b>	<b>1.703.555.195.063</b>	<b>1.783.682.585.016</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	28	1.404.516.167.998	1.596.433.311.896
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>299.039.027.065</b>	<b>187.249.273.120</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	36.704.946	2.621.434.481
7. Chi phí tài chính	22	31	12.201.173.596	13.861.792.236
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.131.405.298	13.805.720.036
8. Chi phí bán hàng	25	32	73.805.196.509	81.460.335.295
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	26.342.915.324	17.770.582.664
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>186.726.446.582</b>	<b>76.777.997.406</b>
11. Thu nhập khác	31		1.447.848.147	1.503.449.908
12. Chi phí khác	32		7.962.832.510	847.997.618
<b>13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(6.514.984.363)</b>	<b>655.452.290</b>
<b>14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>180.211.462.219</b>	<b>77.433.449.696</b>
15. Chi phí thuế thu nhập	51	33	38.963.022.410	16.140.870.343
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	-	85.809.894
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>141.248.439.809</b>	<b>61.206.769.459</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>70</b>	<b>34</b>	<b>9.686</b>	<b>3.959</b>

Lý Phát  
Người lập biểu

Phạm Hồng Đức  
Kế toán trưởng

Đặng Ngọc Diệp  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2020



01/25/20  
CHI N  
CỘNG  
H NHIỆ  
ĐELO  
VIỆT  
- TP.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>180.211.462.219</b>	<b>77.433.449.696</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	36.893.133.450	35.255.990.282
Các khoản dự phòng	03	297.295.666	312.395.000
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	25.734.926	(38.921.114)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(370.424.180)	(2.992.886.030)
Chi phí lãi vay	06	12.131.405.298	13.805.720.036
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>229.188.607.379</b>	<b>123.775.747.870</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	34.155.946.353	(22.691.003.381)
Thay đổi hàng tồn kho	10	87.926.692.425	(6.411.355.073)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(65.747.373.873)	3.836.865.437
Thay đổi các khoản chi phí trả trước	12	(1.406.214.821)	2.247.006.238
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.399.103.004)	(13.917.320.030)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(29.365.117.698)	(11.602.257.752)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.714.683.322)	(17.442.242.435)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>238.638.753.439</b>	<b>57.795.440.874</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(67.978.215.996)	(60.874.453.553)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	735.293.536	430.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(22.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	50.000.000.000
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	23.609.345	3.821.354.021
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(89.219.313.115)</b>	<b>(6.623.099.532)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	711.669.633.775	1.038.907.933.039
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(818.053.658.448)	(1.039.283.140.259)
3. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	(180.870.648)	(3.975.324.429)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(64.162.185.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(106.564.895.321)</b>	<b>(68.512.716.649)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>42.854.545.003</b>	<b>(17.340.375.307)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>41.131.339.908</b>	<b>58.470.278.531</b>
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(22.119.166)	1.436.684
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>83.963.765.745</b>	<b>41.131.339.908</b>

Lý Phát  
Người lập biểu

Phạm Hồng Đức  
Kế toán trưởng

Đặng Ngọc Diệp  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2020



0-00  
ÁNH  
TY  
HỮU  
TTE  
AM  
ĐC

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057 vào ngày 14 tháng 8 năm 2003 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648493 ngày 22 tháng 02 năm 2019.

Ngày 12 tháng 3 năm 2012, cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên thị trường tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 17/2012/QĐ-SGDHCM ngày 05 tháng 3 năm 2012 với mã giao dịch là SVI.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 768 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 775).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất giấy;
- Bán buôn nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy;
- In ấn.

#### Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty kéo dài không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty bao gồm Trụ sở chính và một chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên	Thông tin
Chi nhánh Mỹ Phước	Lô B_6A_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 46211000796 ngày 11 tháng 01 năm 2011 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 06 năm 2018.

#### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Khác	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Thuê hoạt động

##### Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị sổ sách của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

##### Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	5

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị nhãn hiệu hàng hóa, phần mềm máy tính và trang thông tin điện tử được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính, nhãn hiệu hàng hóa và các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hữu dụng ước tính khoảng 3 năm.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí thuê đất trả trước, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các khoản chi phí sửa chữa, chi phí bảo hiểm trả trước và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các chi phí sửa chữa, chi phí bảo hiểm trả trước và các khoản chi phí trả trước khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.



Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Chia cổ tức**

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.





**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích giúp người sử dụng Báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	72.011.847	50.194.339
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	83.891.753.898	41.081.145.569
	<b>83.963.765.745</b>	<b>41.131.339.908</b>

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản ủy thác đầu tư với số tiền 22.000.000.000 đồng với thời hạn ủy thác là từ ngày 27 tháng 9 năm 2019 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020. Theo hợp đồng ủy thác đầu tư, lợi nhuận phân chia theo tỷ lệ do hai bên thỏa thuận theo từng thời kỳ và bên nhận ủy thác chịu hoàn toàn các khoản lỗ phát sinh từ hoạt động đầu tư, kinh doanh.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Liên Doanh Unilever Việt Nam	43.537.420.477	61.779.907.346
Công ty TNHH Nestle Việt Nam	40.434.756.988	52.581.381.228
Các khoản phải thu khách hàng khác	243.012.580.203	247.581.511.051
	<b>326.984.757.668</b>	<b>361.942.799.625</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, giá trị các khoản phải thu đang được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 150.000.000.000 đồng và 10.000.000 đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 150.000.000.000 đồng và 10.000.000 đô la Mỹ).

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Thiết Bị Chế Bàn Điện Tử Tân Long	5.832.000.000	-
Yangzhou Weipong Machinery Co., Ltd.	1.131.975.000	-
Guangzhou Keshenglong Carton Packaging Machine Co., Ltd.	-	0.015.715.000
Riech Man	-	3.996.628.701
Các khoản trả trước cho người bán khác	3.122.732.689	2.834.535.306
	<b>10.086.707.689</b>	<b>16.646.879.007</b>

**8. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.388.216.330	68.637.916	1.759.743.703	737.460.955

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Số cuối năm		Thời gian quá hạn Năm
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Công ty TNHH Sản xuất Nước Giải Khát Mercury	115.463.400	-	Trên 3 năm
Công Ty TNHH Nông Nghiệp Red Sun	1.009.642.440	-	Từ 2 năm đến 3 năm
Ana Water And Smiler Beverage Co., Ltd.	181.954.169	26.877.278	Từ 2 năm đến 3 năm
Các khách hàng khác	81.156.321	41.760.638	Trên 6 tháng
	<b>1.388.216.330</b>	<b>68.637.916</b>	

	Số đầu năm		Thời gian quá hạn Năm
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Công ty TNHH Sản xuất Nước Giải Khát Mercury	115.463.400	-	Trên 3 năm
Công Ty TNHH Nông Nghiệp Red Sun	1.009.642.440	452.728.308	Từ 1 năm đến 2 năm
Ana Water And Smiler Beverage Co., Ltd.	271.351.352	125.149.641	Từ 1 năm đến 2 năm
Các khách hàng khác	363.286.511	159.583.006	Trên 1 năm
	<b>1.759.743.703</b>	<b>737.460.955</b>	

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	4.684.130.280	-	5.764.568.393	-
Nguyên liệu, vật liệu	109.035.841.810	-	191.951.996.327	-
Công cụ, dụng cụ	211.854.333	-	669.244.632	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.137.568.678	-	6.966.888.308	-
Thành phẩm	13.491.233.462	-	15.134.623.328	-
	<b>132.560.628.563</b>	<b>-</b>	<b>220.487.320.988</b>	<b>-</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3.000.000 đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 3.000.000 đô la Mỹ).

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị	414.447.577	447.139.166
Chi phí bảo hiểm tài sản	424.230.985	396.216.653
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	37.624.990
Bản quyền phần mềm Microsoft	144.908.333	79.062.500
Các khoản khác	285.783.784	232.235.000
	<b>1.269.370.679</b>	<b>1.192.278.309</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất trả trước (*)	136.640.199.427	93.994.378.381
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị	4.331.488.375	2.659.803.871
Công cụ dụng cụ xuất dùng	499.401.193	1.199.263.246
Các khoản khác	383.650.000	26.350.000
	<b>141.854.738.995</b>	<b>97.879.795.498</b>

(\*) Đây là tiền thuê đất trả trước tại Lô B\_6A\_CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương và lô K3 - Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, Huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Hai lô đất này đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay từ Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai như trình bày tại Thuyết minh số 22.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	85.755.097	-	85.755.097	-
<b>b. Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	2.290.020.610	41.283.468.010	38.404.915.478	5.168.573.142
Thuế xuất nhập khẩu	-	940.641.174	940.641.174	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.751.050.645	38.963.022.410	29.365.117.698	14.348.955.357
Thuế thu nhập cá nhân	1.160.504.018	2.939.566.523	3.109.223.630	990.846.911
	<b>8.201.575.273</b>	<b>84.126.698.117</b>	<b>71.819.897.980</b>	<b>20.508.375.410</b>

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	133.536.722.105	372.728.266.203	12.742.481.058	8.180.866.306	506.675.818	527.695.011.490
Mua trong năm	-	739.931.403	3.540.639.456	800.852.000	-	5.081.422.859
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.335.145.454	33.702.844.460	-	-	-	35.037.989.914
Mua lại tài sản cố định thuế tài chính	-	4.293.888.410	-	-	-	4.293.888.410
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.205.688.475)	-	-	(32.500.000)	(4.238.188.475)
Số dư cuối năm	134.871.867.559	407.259.242.001	16.283.120.514	8.981.718.306	474.175.818	567.870.124.198
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	53.292.836.012	279.880.687.003	9.402.076.598	7.081.874.107	478.276.373	350.135.750.093
Khấu hao trong năm	4.921.836.327	30.023.637.160	1.035.619.276	463.467.485	10.993.332	36.455.553.580
Mua lại tài sản cố định thuế tài chính	-	3.417.479.520	-	-	-	3.417.479.520
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.817.209.774)	-	-	(32.500.000)	(3.849.709.774)
Số dư cuối năm	58.214.672.339	309.504.593.909	10.437.695.874	7.545.341.592	456.769.705	386.159.073.419
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	<b>80.243.886.093</b>	<b>92.847.579.200</b>	<b>3.340.404.460</b>	<b>1.098.992.199</b>	<b>28.399.445</b>	<b>177.559.261.397</b>
Tại ngày cuối năm	<b>76.657.195.220</b>	<b>97.754.648.092</b>	<b>5.845.424.640</b>	<b>1.436.376.714</b>	<b>17.406.113</b>	<b>181.711.050.779</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 262.932.337.768 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 237.553.425.233 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 138.802.585.143 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 143.304.750.220 đồng) được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc và thiết bị VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	4.271.849.410
Tăng trong năm	22.039.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.293.888.410)
Số dư cuối năm	-
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	3.203.887.050
Khấu hao trong năm	213.592.470
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.417.479.520)
Số dư cuối năm	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	<b>1.067.962.360</b>
Tại ngày cuối năm	<b>-</b>

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm và cuối năm	232.020.000	1.823.646.200	100.667.889	2.156.334.089
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	232.020.000	1.600.590.900	81.917.889	1.914.528.789
Khấu hao trong năm	-	208.987.400	15.000.000	223.987.400
Số dư cuối năm	232.020.000	1.809.578.300	96.917.889	2.138.516.189
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	<b>-</b>	<b>223.055.300</b>	<b>18.750.000</b>	<b>241.805.300</b>
Tại ngày cuối năm	<b>-</b>	<b>14.067.900</b>	<b>3.750.000</b>	<b>17.817.900</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.080.072.089 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.366.366.089 đồng).

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí đầu tư phần mềm ERP	2.287.737.773	2.287.737.773
Chi phí khác	805.221.799	1.041.903.921
	<b>3.092.959.572</b>	<b>3.329.641.694</b>

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản chi phí tạm thời chưa được khấu trừ liên quan tới khoản dự phòng tiền thuế đất tăng thêm được ghi nhận ở Thuyết minh số 23.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

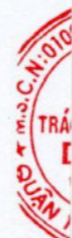
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Giấy Vina Kraft	28.920.282.299	88.371.226.075
Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	49.762.588.298	15.068.355.500
Công ty TNHH Giấy Chánh Dương	7.305.374.670	35.101.203.170
Công ty TNHH Giấy Lee & Man Việt Nam	19.346.180.350	32.248.946.070
Công ty Cổ phần Giấy An Bình	19.191.205.690	31.432.012.480
Các nhà cung cấp khác	80.657.598.587	68.388.512.284
	<b>205.183.229.894</b>	<b>270.610.255.579</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí vận chuyển	3.719.816.093	3.560.000.000
Lãi trả chậm và phạt tiền thuê đất Lộc An Bình Sơn	6.281.233.991	2.326.699.005
Chi phí dịch vụ gia công	3.659.423.689	667.745.388
Chi phí lãi vay hoạt động	397.712.250	665.409.956
Các khoản trích trước khác	1.618.985.669	4.798.767.472
	<b>15.677.171.692</b>	<b>12.018.621.821</b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	111.242.406	106.781.534
Các khoản bảo hiểm bắt buộc	-	973.908.340
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	1.704.968.796	237.479.389
Các khoản phải trả khác	300.622.320	376.308.481
	<b>2.116.833.522</b>	<b>1.694.477.744</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	140.000.000
	-	<b>140.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	193.266.801.361	193.266.801.361	711.669.633.775	846.324.149.384	58.612.285.752	58.612.285.752
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	28.139.094.772	28.139.094.772	31.624.763.215	28.649.809.064	31.114.048.923	31.114.048.923
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	180.870.648	180.870.648	-	180.870.648	-	-
	<b>221.586.766.781</b>	<b>221.586.766.781</b>	<b>743.294.396.990</b>	<b>875.154.829.096</b>	<b>89.726.334.675</b>	<b>89.726.334.675</b>

Chi tiết khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh	11.334.829.125	16.452.088.400
Ngân hàng TNHH MTV ANZ	25.216.525.290	141.758.836.116
Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa	20.158.098.207	18.274.149.245
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered - Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.902.833.130	16.781.727.600
	<b>58.612.285.752</b>	<b>193.266.801.361</b>

Vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam với mục đích tài trợ vốn lưu động, các khoản vay này chịu lãi suất từ 4,9%/năm đến 6%/năm và được đảm bảo bằng giá trị các khoản phải thu (Thuyết minh số 6), hàng tồn kho (Thuyết minh số 9) và nhà xưởng (Thuyết minh số 12).

**21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Quỹ này hình thành từ việc trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị Quyết của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và thưởng cho Hội đồng Quản trị theo mức độ hoàn thành công việc của từng thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty.

Biên động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm		9.136.917.779
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 24)	2.624.207.659	9.700.629.820
Sử dụng trong năm	14.124.843.981	(16.213.339.940)
Số dư cuối năm	<b>(2.357.203.933)</b>	<b>2.624.207.659</b>
	<b>14.391.847.707</b>	



22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngân hàng	32.633.831.610	32.633.831.610	2.697.000.000	21.544.763.215	13.786.068.395	13.786.068.395
Vay Quỹ Đầu tư Phát Triển tỉnh Đồng Nai	1.600.000.000	1.600.000.000	54.223.300.000	10.080.000.000	45.743.300.000	45.743.300.000
	<b>34.233.831.610</b>	<b>34.233.831.610</b>	<b>56.920.300.000</b>	<b>31.624.763.215</b>	<b>59.529.368.395</b>	<b>59.529.368.395</b>

Chi tiết khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh	17.205.848.973	30.122.409.019
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	17.614.268.345	22.250.517.363
Quỹ Đầu Tư Phát Triển tỉnh Đồng Nai	55.823.300.000	10.000.000.000
	<b>90.643.417.318</b>	<b>62.372.926.382</b>

Vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam nhằm mục đích mua sắm máy móc và đầu tư xây dựng nhà máy, các khoản vay dài hạn này chịu lãi suất từ 6,25%/năm đến 7,9%/năm và được đảm bảo bằng giá trị còn lại của tiền thuê đất (Thuyết minh số 10) và tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 12), với số dư nợ gốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 90.643.417.318 đồng, trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 31.114.048.923 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	31.114.048.923	28.139.094.772
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	59.529.368.395	34.233.831.610
	<b>90.643.417.318</b>	<b>62.372.926.382</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(31.114.048.923)	(28.139.094.772)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>59.529.368.395</b>	<b>34.233.831.610</b>

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản dự phòng chênh lệch tăng giá thuế đất tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 do Công ty chưa thống nhất được đơn giá thuế với Tổng Công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

24. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	128.324.370.000	636.060.646	83.843.263.659	140.786.510.378	353.590.204.683
Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017	-	-	-	(64.162.185.000)	(64.162.185.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	61.206.769.459	61.206.769.459
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế của năm 2018	-	-	12.241.353.892	(12.241.353.892)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2018 và năm 2017	-	-	-	(9.700.629.820)	(9.700.629.820)
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát từ lợi nhuận sau thuế của năm 2018	-	-	-	(1.224.135.389)	(1.224.135.389)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>128.324.370.000</b>	<b>636.060.646</b>	<b>96.084.617.551</b>	<b>114.664.975.736</b>	<b>339.710.023.933</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	141.248.439.809	141.248.439.809
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế của năm 2019	-	-	28.249.687.962	(28.249.687.962)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2019	-	-	-	(14.124.843.981)	(14.124.843.981)
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát từ lợi nhuận sau thuế của năm 2019	-	-	-	(2.824.968.796)	(2.824.968.796)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>128.324.370.000</b>	<b>636.060.646</b>	<b>124.334.305.513</b>	<b>210.713.914.806</b>	<b>464.008.650.965</b>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-DHĐCTN/2019 thông qua ngày 10 tháng 5 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án không chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2018.

Trong năm 2018, Công ty đã trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017 với số tiền là 519.614.401 đồng, đồng thời Công ty đã tạm trích lập bổ sung Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát với số tiền lần lượt là 12.241.353.892 đồng, 9.181.015.419 đồng và 1.224.135.389 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2018, mức tạm trích lập này bằng đúng số tiền trích lập các quỹ được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/NQ-DHĐCTN/2019 ngày 10 tháng 5 năm 2019.

Trong năm 2019, Công ty đã tạm trích Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát với tỉ lệ lần lượt là 20%, 10% và 2% từ lợi nhuận sau thuế của năm 2019 căn cứ theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty số 23/SVI-2019 ngày 10 tháng 5 năm 2019.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 128.324.370.000 đồng. Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.832.437	12.832.437
Số lượng cổ phiếu phổ đã bán ra công chúng	12.832.437	12.832.437
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	<u>12.832.437</u>	<u>12.832.437</u>

Vốn cổ phần chi tiết theo cổ đông lớn:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt (BVIF)	24.900.400.000	19,40%	24.900.400.000	19,40%
Ssiam Sif Vietnam Active Value Portfolio	6.500.000.000	5,07%	14.220.000.000	11,08%
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	7.720.000.000	6,02%	2.920.700.000	2,28%
Đối tượng khác	89.203.970.000	69,51%	86.283.270.000	67,24%
	<u><b>128.324.370.000</b></u>	<u><b>100%</b></u>	<u><b>128.324.370.000</b></u>	<u><b>100%</b></u>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**25. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ ("USD")	131.772,07	2.719,16
Euro ("EUR")	287,32	298,24

**26. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

*Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bao bì từ giấy và bìa. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày Báo cáo tài chính theo lĩnh vực kinh doanh trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

*Báo cáo theo lĩnh vực địa lý*

Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam, với hoạt động sản xuất và đối tượng khách hàng chủ yếu ở khu vực Đông Nam Bộ, do đó không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế đáng kể theo lĩnh vực địa lý cần phải thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**27. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	1.651.226.539.584	1.721.585.770.541
Doanh thu bán hàng khác	52.424.029.949	62.115.728.549
	<u><b>1.703.650.569.533</b></u>	<u><b>1.783.701.499.090</b></u>

**Các khoản giảm trừ doanh thu**

Giảm giá hàng bán	95.374.470	18.914.074
	<u><b>95.374.470</b></u>	<u><b>18.914.074</b></u>

**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u><b>1.703.555.195.063</b></u>	<u><b>1.783.682.585.016</b></u>
--	---------------------------------	---------------------------------

**28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thành phẩm	1.360.642.265.647	1.543.745.748.013
Giá vốn khác	43.873.902.351	52.687.563.883
	<u><b>1.404.516.167.998</b></u>	<u><b>1.596.433.311.896</b></u>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.144.248.627.966	1.371.125.063.230
Chi phí nhân công	151.604.734.012	166.233.271.987
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.893.133.450	35.255.990.282
Chi phí dự phòng	341.216.166	312.395.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.041.652.170	94.446.426.022
Chi phí khác	45.092.948.413	25.235.468.199
	<u><b>1.501.222.312.177</b></u>	<u><b>1.692.608.614.720</b></u>

**30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	23.609.345	2.562.886.030
Lãi chênh lệch tỷ giá	13.095.601	58.548.451
	<u><b>36.704.946</b></u>	<u><b>2.621.434.481</b></u>

**31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	12.131.405.298	13.805.720.036
Lỗ chênh lệch tỷ giá	69.768.298	56.072.200
	<u><b>12.201.173.596</b></u>	<u><b>13.861.792.236</b></u>

**32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	10.217.588.561	9.617.525.034
Chi phí vận chuyển	44.386.785.794	43.017.178.351
Chi phí khác	19.200.822.154	28.825.631.910
	<b>73.805.196.509</b>	<b>81.460.335.295</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	12.886.675.800	11.449.479.681
Chi phí dịch vụ mua ngoài	901.610.103	846.616.075
Chi phí khác	12.554.629.421	5.474.486.908
	<b>26.342.915.324</b>	<b>17.770.582.664</b>

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	180.211.462.219	77.433.449.696
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	14.559.362.876	3.268.697.788
<i>Cộng: Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác</i>	44.286.955	4.955.426
<i>Trừ: Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác</i>	-	(2.751.196)
<i>Thu nhập tính thuế</i>	194.815.112.050	80.704.351.714
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>38.963.022.410</b>	<b>16.140.870.343</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Các khoản thuế trình bày trong Báo cáo tài chính chưa phải là số liệu cuối cùng và tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các qui định bị ảnh hưởng bởi các cách diễn đạt khác nhau, số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính sẽ thay đổi dựa trên quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	141.248.439.809	61.206.769.459
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(14.124.843.981)	(9.181.015.419)
Trích quỹ thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (*)	(2.824.968.796)	(1.224.135.389)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	124.298.627.032	50.801.618.651
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	12.832.437	12.832.437
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>9.686</b>	<b>3.959</b>

(\*) Công ty áp dụng tỷ lệ là 10% và 2% của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để ước tính số quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát cần được trích trong năm nhằm mục đích tính toán chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có ảnh hưởng suy giảm. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**35. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

**Cam kết thuê hoạt động**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.277.935.231	1.429.738.708

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	1.357.861.558	1.357.861.558
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	4.777.446.232	5.104.446.232
Trên 5 năm	27.833.277.722	28.864.139.280
	<b>33.968.585.512</b>	<b>35.326.447.070</b>

**36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	4.733.564.344	6.299.831.836

**37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm 7.054.735.000 đồng, là tiền chi mua chi phí xây dựng cơ bản dở dang và các tài sản dài hạn khác phát sinh trong năm nay nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên mục thay đổi các khoản phải trả.

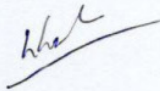
Tiền chi mua tài sản cố định trong năm bao gồm 8.475.047.000 đồng là tiền thanh toán cho nhà cung cấp trong năm nay để mua tài sản cố định trong năm sau, đồng thời không bao gồm 15.992.686.701 đồng là tiền chi mua tài sản cố định trong năm nay nhưng đã được thanh toán trong năm 2018. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên mục thay đổi các khoản phải thu.


Tiền chi trả lãi vay trong năm không bao gồm 397.712.250 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 665.409.956 đồng), là chi phí lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên mục thay đổi các khoản phải trả.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay. cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo VND	Trình bày lại VND	Chênh lệch VND
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	65.375.538.626	3.329.641.694	(62.045.896.932)
Chi phí trả trước dài hạn	35.833.898.566	97.879.795.498	62.045.896.932
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Doanh thu bán hàng	1.780.190.134.341	1.783.701.499.090	3.511.364.749
Giá vốn hàng bán	1.594.683.039.471	1.596.433.311.896	1.750.272.425
Thu nhập khác	5.014.814.657	1.503.449.908	(3.511.364.749)
Chi phí khác	2.598.270.043	847.997.618	(1.750.272.425)

  
Lý Phát  
Người lập biểu

  
Phạm Hồng Đức  
Kế toán trưởng

  
  
Đặng Ngọc Diệp  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2020



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019  
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA  
BIÊN HÒA, NGÀY 15 THÁNG 04 NĂM 2020

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH  
  
TRỊNH THANH CẦM

